

ĐỀ TÀI:

**Kế toán tài sản cố định tại công
ty cổ phần Thanh Tân**

Phần 1: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Cơ chế thị trường luôn biến đổi, luôn xảy ra sự cạnh tranh và sự hoàn thiện liên tục của các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động của mình để tạo nên sức mạnh cạnh tranh đứng vững trên thị trường. Trong những năm gần đây cùng với sự thay đổi và quá trình phát triển không ngừng của nền kinh tế Việt Nam và sự đổi mới sâu sắc của bộ máy kế toán Việt Nam đã và đang nắm được những ý kiến mới sáng tạo hơn nhằm mục đích nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia, quản lý Doanh nghiệp ngày càng vững chắc.

Muốn sản xuất kinh doanh thì bất kỳ một Doanh nghiệp nào cũng cần nắm được ba yếu tố đó là: Tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Trong đó tư liệu lao động là một trong những công cụ cần thiết nhất của Doanh nghiệp, mà nói đến tư liệu lao động là nói đến tài sản cố định. Đây là yếu tố cần thiết đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh. Tài sản cố định là tư liệu lao động hội đủ hai điều kiện đó là giá trị và giá trị sử dụng. Tài sản cố định tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Tài sản cố định là tư liệu lao động cần thiết để tiến hành quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường.

Như vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để sử dụng TSCĐ một cách hợp lý khoa học tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Qua đó, thể hiện được sự nỗ lực, trình độ quản lý và tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.

Từ lý do đó tôi chọn đề tài: ***“Kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thanh Tân”*** làm chuyên đề thực tập tốt nghiệp nhằm tìm hiểu quá trình hạch toán, tình hình sử dụng và quản lý TSCĐ tại công ty, đề ra một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Qua đề tài này tôi muốn đạt được một số mục tiêu sau:

- Tổng hợp những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích đánh giá tình hình kế toán và phân tích tình hình trang bị, sử dụng TSCĐ.
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán TSCĐ.
- Đưa ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu.

- + Nghiên cứu chung: là công tác kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần Thanh Tân.
- + Nghiên cứu chi tiết: là nội dung, phương pháp và trình tự kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thanh Tân trong năm 2009 và năm 2010.

- Phạm vi nghiên cứu.

Do thời gian thực tập tại công ty ngắn nên tôi chỉ nghiên cứu tình hình kế toán tài sản cố định tại trụ sở công ty và tại một số cơ sở đại diện của công ty cổ phần Thanh Tân.

- + Thời gian: Kế toán TSCĐ tại công ty cổ phần Thanh Tân trong năm 2009 và 2010.

+Nội dung: Tập trung thu thập các số liệu, đánh giá về thực trạng công tác kế toán . Từ đó đề xuất phương hướng và biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ và nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ tại công ty cổ phần Thanh Tân.

- + Địa điểm nghiên cứu: Tại công ty cổ phần Thanh Tân.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
- Phương pháp phỏng vấn người có chuyên môn.
- Phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh thông tin nhằm đánh giá thực trạng công tác kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân.
- Phương pháp nghiên cứu: Thu thập các chứng từ, sổ sách kế toán, các tài khoản có liên quan đến TSCĐ của công ty cổ phần Thanh Tân.

Phần 2: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tài sản cố định

1.1 Những vấn đề chung về tài sản cố định

1.1.1 Tài sản cố định và các yêu cầu về quản lý

TSCĐ là những tư liệu sản xuất không thể thiếu được trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đó là những tài sản có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh. Tiêu chuẩn giá trị của chúng được quy định phù hợp với tình hình thực tế và các chính sách kinh tế, tài chính của Nhà nước.

TSCĐ gồm 2 loại: Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Mỗi loại TSCĐ trên có tính hữu ích khác nhau, yêu cầu quản lý cũng khác nhau, nên phải tổ chức ghi chép trên những tài khoản kế toán khác nhau.

Theo chuẩn mực số 03 “Tài sản cố định hữu hình” và số 04 “Tài sản cố định vô hình” của kế toán Việt Nam tài sản cố định phải có đủ 4 tiêu chuẩn sau:

- Có thể kiểm soát được lợi ích kinh tế hiện tại và tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Hoàn toàn xác định được giá trị bằng tiền và tương đương tiền một cách chắc chắn.
- Có thời gian sử dụng từ một năm trở lên
- Có giá trị từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) trở lên.
- * **Đặc điểm:**
 - Sử dụng lâu dài trong kinh doanh không thay đổi hình thái vật chất của một

đơn vị tài sản hữu hình trong quá trình sử dụng tài sản.

- Trong quá trình tham gia sản xuất kinh doanh giá trị của TSCĐ bị hao mòn dần vô hình hoặc hữu hình và chuyển dịch từng phần vào giá trị của sản phẩm mới tạo ra.

*** Các yêu cầu quản lý:**

Từ những đặc điểm trên đòi hỏi quản lý TSCĐ phải nghiêm túc thường xuyên liên tục theo dõi sự biến động của tài sản về số lượng chất lượng, hao mòn, nguyên giá

và giá trị còn lại của tài sản.

***Về mặt hiện vật:**

Phải quản lý TSCĐ theo từng địa điểm sử dụng, theo từng loại từng nhóm TSCĐ. Phải quản lý trong suốt thời gian sử dụng tức là phải quản lý từ việc đầu tư, mua sắm, xây dựng đã hoàn thành, quá trình sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp ... cho đến khi không sử dụng hoặc không sử dụng được (thanh lý hoặc nhượng bán).

***Về mặt giá trị**

Phải theo dõi nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ, phải tính được phần giá trị TSCĐ đã chuyển dịch vào chi phí sản xuất kinh doanh. Từ đó tính và phân bổ số khấu hao hợp lý, kiểm tra chặt chẽ tình hình hao mòn, việc thu hồi vốn từ ban đầu để tái đầu tư TSCĐ.

1.1.2 Phân loại và đánh giá tài sản cố định

1.1.2.1 Phân loại tài sản cố định

- Phân loại theo hình thái biểu diễn:

Được chia làm hai loại: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

+ TSCĐ hữu hình: là những tư liệu lao động có hình thái vật chất, có giá trị lớn và có thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như: vật kiến trúc, máy móc, thiết bị,...

+ TSCĐ vô hình: là những TSCĐ không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp như: chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí về đất sử dụng, chi phí về bằng phát minh sáng chế, chi phí lợi thế thương mại ...

- Phân loại theo quyền sở hữu

Được chia thành hai loại:

+ TSCĐ tự có: là những TSCĐ được xây dựng, mua sắm và hình thành từ nguồn vốn ngân sách cấp hoặc cấp trên cấp, nguồn vốn vay ...

+ TSCĐ thuê ngoài: là TSCĐ đi thuê để sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng đã ký kết.

- Phân loại theo nguồn hình thành

Được chia thành hai loại:

+ TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ TSCĐ được hình thành từ nợ phải trả.

- Phân loại theo công dụng

Được chia thành bốn loại:

+ TSCĐ sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

+ TSCĐ sử dụng cho phúc lợi, sự nghiệp và an ninh quốc phòng.

+ TSCĐ chờ xử lý.

+ TSCĐ nhận giữ hộ hoặc của Nhà nước.

1.1.2.2 Đánh giá tài sản cố định

Đánh giá TSCĐ là biểu hiện giá trị TSCĐ bằng tiền theo những nguyên tắc nhất định. Đánh giá TSCĐ là điều kiện cần thiết để hạch toán TSCĐ, trích khấu hao và phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ trong Doanh nghiệp. Xuất phát từ đặc điểm và yêu cầu quản lý TSCĐ trong suốt quá trình sử dụng trong mọi trường hợp, TSCĐ phải được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại.

Vì vậy việc ghi sổ phải đảm bảo phản ánh được tất cả ba chỉ tiêu về giá trị của TSCĐ là nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại.

*** Nguyên giá tài sản cố định hữu hình.**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm:

$$\text{Nguyên giá TSCĐ(mua sắm)} = \text{Giá mua tài sản cố định} + \text{Các loại chi phí} - \text{Chiết khấu}$$

(Hoá đơn)
(Thuế NK nếu

(Các khoản giảm giá nếu
có)

c
ó)

-TSCĐ do bộ phận XDChB tự làm bàn giao: Nguyên giá là giá trị thực tế của công trình xây dựng cùng với khoản chi phí khác có liên quan và thuế trước bạ (nếu có).

-TSCĐ do bên nhận thầu (bên B) bàn giao = Giá trị trả + Các khoản phí tồn mới trước khi dùng (chạy thử, thuế trước bạ) – Các khoản giảm giá mua hàng (nếu có).

- Tài sản cố định được cấp điều chuyển đến:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

cấp.

+ Nếu là đơn vị hạch toán độc lập: Nguyên giá bao gồm giá trị ghi ở đơn vị

+ Các phí tổn mới trước khi dùng mà bên nhận phải chi ra (vận chuyển bốc dỡ,

lắp đặt, chạy thử,...).

+ Nếu điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc nguyên giá, giá trị còn lại và số khấu hao lũy kế được ghi theo số đơn vị cấp. Các phí tổn mới trước khi dùng phản ánh được trực tiếp vào chi phí kinh doanh mà không tính vào nguyên giá TSCĐ.

-TSCĐ nhận góp vốn liên doanh, nhận tặng thưởng, viện trợ, nhập lại góp vốn liên doanh,... Nguyên giá tính theo giá trị đánh giá thực tế của hội đồng giao nhận cộng các phí tổn mới, trước khi dùng (nếu có).

*** Nguyên giá tài sản cố định vô hình:** Là các chi phí thực tế phải trả khi thực hiện như phí tổn thành lập, chi phí cho công tác nghiên cứu, phát triển,...

Nguyên giá TSCĐ chỉ thay đổi khi doanh nghiệp đánh giá lại TSCĐ, nâng cấp TSCĐ, tháo gỡ hoặc bổ sung một số bộ phận của TSCĐ. Khi thay đổi nguyên giá, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại, số khấu hao lũy kế của TSCĐ và phản ánh kịp thời vào sổ sách.

*** Giá trị còn lại tài sản cố định**

Giá trị còn lại của tài sản cố định = Nguyên giá – Giá trị hao mòn.

Trong trường hợp có quyết định đánh giá TSCĐ thì giá trị còn lại TSCĐ phải được điều chỉnh theo công thức:

$$\frac{\text{Giá trị còn lại trước của tài sản cố định khi đánh giá}}{\text{Giá trị đánh giá lại TSCĐ}} = \frac{\text{Giá trị còn lại sau của tài sản cố định khi đánh giá}}{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}$$

Đánh giá lại TSCĐ theo giá trị còn lại cho biết số vốn ổn định hiện có của đơn vị và hiện trạng TSCĐ cũ hay mới để có phương hướng đầu tư, có kế hoạch sửa chữa, bổ sung và hiện đại hóa.

1.2. Phương pháp hạch toán tài sản cố định

1.2.1 , Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

Kế toán TSCĐ rất phức tạp bởi vì các TSCĐ thường có quy mô và thời gian phát sinh dài. Thêm vào đó yêu cầu quản lý TSCĐ rất cao. Do vậy, để đảm bảo việc ghi chép kịp thời và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TSCĐ, đồng thời cung cấp thông tin kịp thời cho việc quản lý, giám sát chặt chẽ càng nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ, doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học và hợp lý. Để đáp ứng được những yêu cầu trên, kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và di chuyển TSCĐ trong nội bộ doanh nghiệp, việc hình thành và nội dung TSCĐ của doanh nghiệp.
- Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng, tính toán, phân bổ chính xác số khấu hao vào chi phí SXKD.
- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, tập hợp chính xác và phân bổ hợp lý chi phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí kinh doanh.
- Tham gia kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường TSCĐ, tham gia đánh giá lại tài sản khi cần thiết tổ chức phân tích tình hình sử dụng và bảo quản TSCĐ ở doanh nghiệp.

1.2.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán tài sản cố định theo QĐ48/2006 của Bộ Tài Chính.

1.2.2.1. Tài khoản 2111

- Tài sản cố định hữu hình: dùng để phản ánh giá trị có và biến động tăng, giảm của toàn bộ tài sản cố định hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá.

Bên Nợ:

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tăng do được cấp, do hoàn thành XDCB bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do các đơn vị tham gia liên doanh góp vốn, do được tặng biếu, viện trợ,...
- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp.

- Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ do đánh giá lại.

Bên Có:

- Nguyên giá của TSCĐ giảm do điều chuyển cho đơn vị khác do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh,...
- Nguyên giá TSCĐ giảm do tháo bớt 1 số bộ phận.
- Điều chỉnh giảm nguyên giá do đánh giá lại TSCĐ.

Số dư bên Nợ:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hiện có ở đơn vị.

Các tài khoản cấp ba tùy thuộc vào từng công ty sử dụng phù hợp với từng tài sản và tình hình theo dõi của mỗi công ty.

1.2.2.2. Tài khoản 2113

- TSCĐ vô hình: Để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của TSCĐ vô hình của Doanh nghiệp.

Bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng trong kỳ.

Bên Có: Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm trong kỳ.

Số dư bên Nợ: Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có ở doanh nghiệp.

Các tài khoản cấp ba tùy thuộc vào công ty sử dụng cho phù hợp với mục đích của công ty.

1.2.3 , Hạch toán chi tiết tài sản cố định

Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng trong kế toán chi tiết TSCĐ.

Để theo dõi chi tiết TSCĐ kế toán sử dụng 2 loại sổ chi tiết sau:

Sổ TSCĐ : Sổ này dùng chung cho toàn doanh nghiệp, sổ này mở căn cứ vào cách thức phân loại TS theo đặc trưng kỹ thuật, số lượng sổ này tùy thuộc vào từng loại chủng loại TSCĐ.

Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng giảm và khấu hao.

Sổ chi tiết TSCĐ: (theo đơn vị sử dụng)

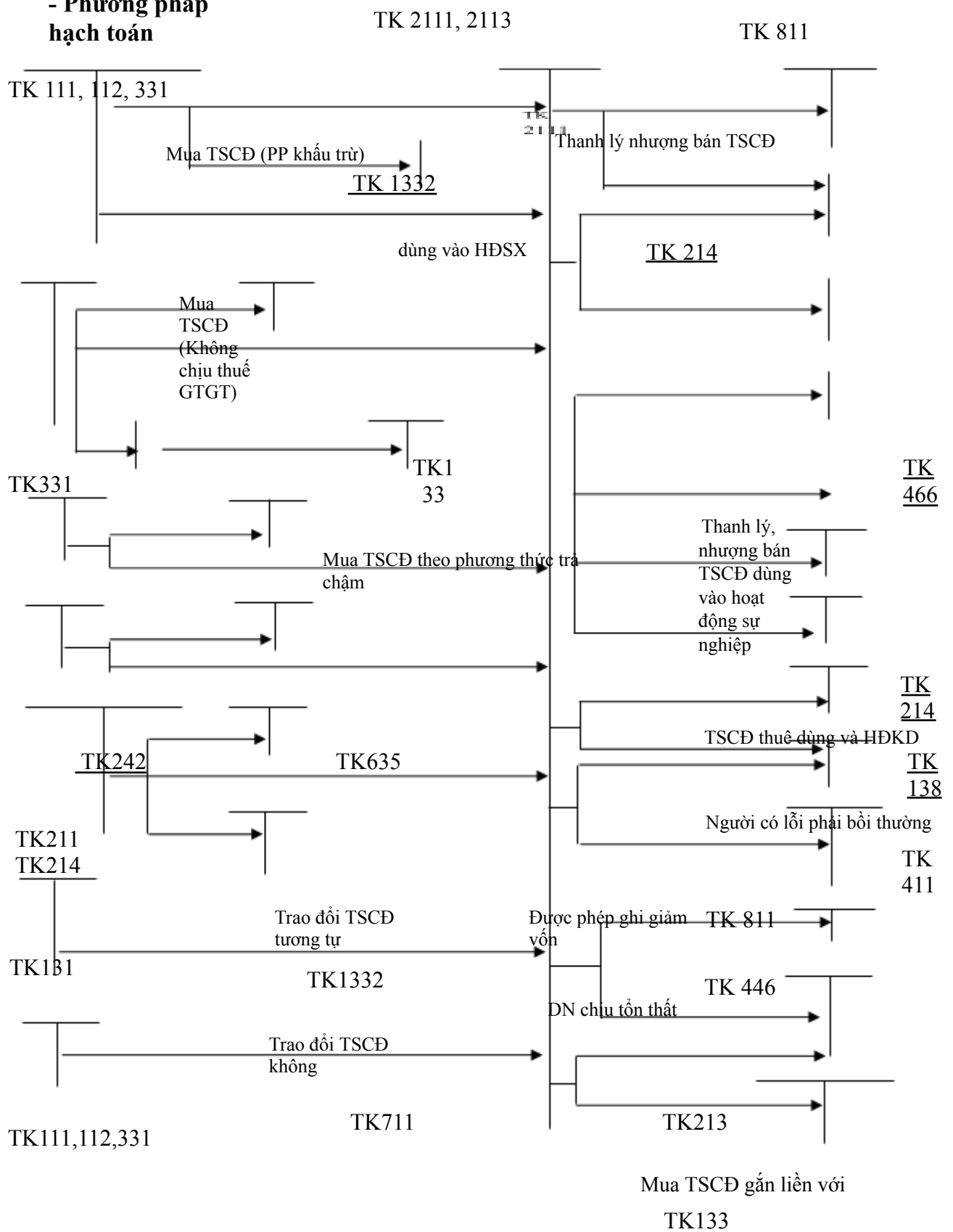
Mỗi một đơn vị hoặc một bộ phận sử dụng phải mở một sổ để theo dõi TSCĐ.

Căn cứ để ghi là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

Ngoài 2 mẫu sổ chi tiết trên doanh nghiệp có thể mở các sổ chi tiết khác theo yêu cầu quản lý.

1.2.4 Hạch toán tình hình biến động tài sản cố định

**- Phương pháp
hạch toán**



TSCĐ thiếu dùng vào HĐSN

TK
214

TSCĐ
thiếu

TK
4313

dùng
vào HĐ
phúc lợi

Nhận TSCĐ được
biếu tặng

TK 1381

TK241

Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn
hành

TSCĐ thiếu chưa rõ
nguyên nhân

TK 214

TK 144, 244

TSCĐ mang đi cầm cố

Sơ đồ 1: Sơ đồ kế toán tài sản cố định hữu hình

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

1.2.5, Phương pháp hạch toán hao mòn tài sản cố định

1.2.5.1. Khái niệm về hao mòn tài sản cố định

- Hao mòn: Là sự giảm giá của TSCĐ theo chu kỳ kinh tế của TSCĐ. Hao mòn là đặc tính khách quan của TSCĐ làm cho TSCĐ bị giảm dần giá trị sử dụng và năng lực SXKD.

Hao mòn gồm có 2 loại: Hao mòn vô hình (không có hình thái vật chất)

Hao mòn hữu hình (có hình thái vật chất)

+ Hao mòn vô hình là sự hao mòn về kinh tế do TSCĐ bị lỗi thời về kỹ thuật và công nghệ ..

+ Hao mòn hữu hình là sự hao mòn vật chất của TSCĐ biểu hiện ở sự giảm dần giá trị, giá trị sử dụng

Ý nghĩa: Trong quản lý TSCĐ và sử dụng TSCĐ hao mòn được ước tính để xác định chu kỳ sử dụng hữu ích của TSCĐ.

- Khấu hao TSCĐ: là biểu hiện bằng tiền của phần giá trị TSCĐ đã hao mòn được tính vào giá trị sản phẩm sản xuất ra nhằm thu hồi vốn đầu tư để tái tạo lại TSCĐ khi TSCĐ bị hư hỏng hoàn toàn, không sử dụng được nữa.

- Khấu hao: là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian sử dụng của tài sản cố định.

- Số khấu hao lũy kế của tài sản cố định: Là tổng cộng số khấu hao đã trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh qua các kỳ kinh doanh của tài sản cố định tính đến thời điểm báo cáo.

- Khấu hao TSCĐ phải được trích hằng tháng để phân bổ vào chi phí của các đối tượng sử dụng. Mức khấu hao được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức khấu hao} & & \text{Mức khấu hao} & + & \text{Mức khấu hao} & - & \text{Mức khấu} \\ & & \text{tháng trước} & & \text{tăng trong tháng} & & \text{hao giảm} \\ & = \text{tháng này} & & & & & \text{trong} \\ & & & & & & \text{tháng} \end{array}$$

1.2.5.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định

Theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao thì có 3 phương pháp trích khấu hao.

- Phương pháp khấu hao theo đường thẳng

$$\begin{aligned} \text{-Mức khấu hao trung bình hằng năm} &= \frac{\text{NG của TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} \\ \text{-Mức khấu hao trung bình hằng tháng} &= \frac{\text{Mức khấu hao TSCĐ hàng năm}}{12} \end{aligned}$$

Các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được trích khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng để nhanh chóng đổi mới công nghệ. TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao nhanh là máy móc thiết bị, dụng cụ làm việc, đo lường, thí nghiệm và phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý, súc vật và vườn cây lâu năm, doanh nghiệp phải đảm bảo kinh doanh có lãi.

- Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh} = \frac{\text{Tỷ lệ KHTSCĐ theo PP đường thẳng}}{1} \times \frac{H}{S_0 \cdot \alpha_i \cdot e^{\frac{1}{n}}}$$

Tỷ lệ KHTSCĐ theo PP đường thẳng

$$= \frac{\text{Thời gian SD của TSCĐ}}{x} \times 100$$

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 năm đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

- Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm

$$\text{Mức KH trong tháng (năm) của TSCĐ} = \frac{\text{Số lượng SPSX ra trong tháng (năm)}}{\text{Thuế trích KH bình quân cho 1 đơn vị}}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích KH bình quân cho 1 SP} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công thức thiết kế}}$$

1.2.5.3. Tài khoản sử dụng 214

– Hao mòn tài sản cố định:

Dùng để phản ánh giá trị hao mòn của toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp (Hao mòn lũy kế), đây là tài khoản điều chỉnh nên mang bản chất và kết cấu nguồn vốn.

Bên Nợ:

Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm giá trị hao mòn của TSCĐ (thanh lý, nhượng bán, điều chuyển, đi nơi khác, ...)

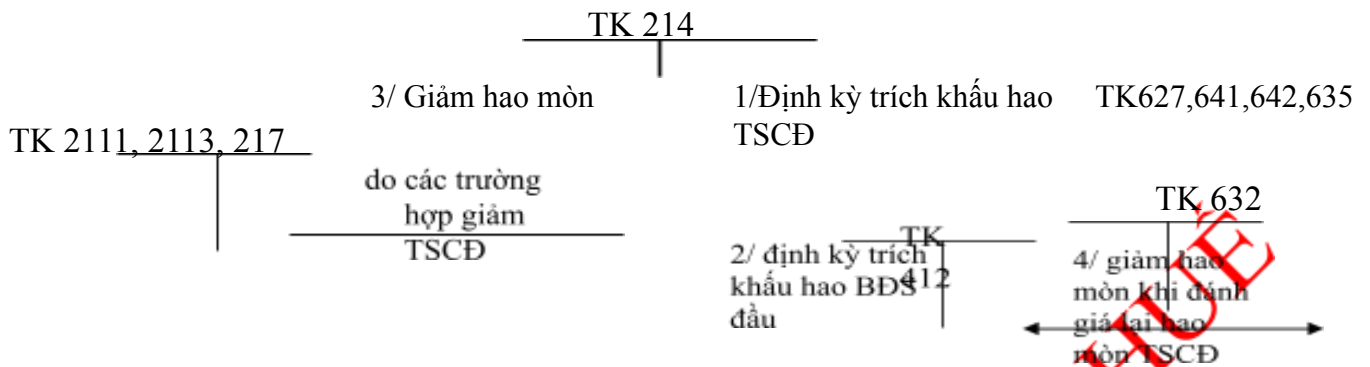
Bên Có:

Phản ánh các nghiệp vụ làm tăng giá trị hao mòn của TSCĐ (do trích khấu hao, đánh giá tăng, ...)

Số dư bên Có: Giá trị hao mòn của TSCĐ hiện có

1.2.5.4. Hạch toán hao mòn tài sản cố định

Hạch toán hao mòn tài sản cố định



Sơ đồ 2: Hệ thống kế toán hao mòn tài sản cố định

1.2.6 Hệ thống kế toán sửa chữa tài sản cố định

1.2.6.1 Hệ thống kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

- Khái niệm:

+ Sửa chữa thường xuyên TSCĐ là công việc bảo dưỡng, thay thế từng chi tiết hoặc bộ phận hư hỏng nhỏ, nhằm duy trì sự hoạt động bình thường của TSCĐ cho đến khi sửa chữa lớn.

+ Sửa chữa thường xuyên TSCĐ có đặc điểm:

- Sửa chữa theo yêu cầu thực tế bảo dưỡng thường xuyên, thời gian sửa chữa ngắn.
- Sửa chữa TSCĐ có tính chất đều đặn giữa các chu kỳ sản xuất.

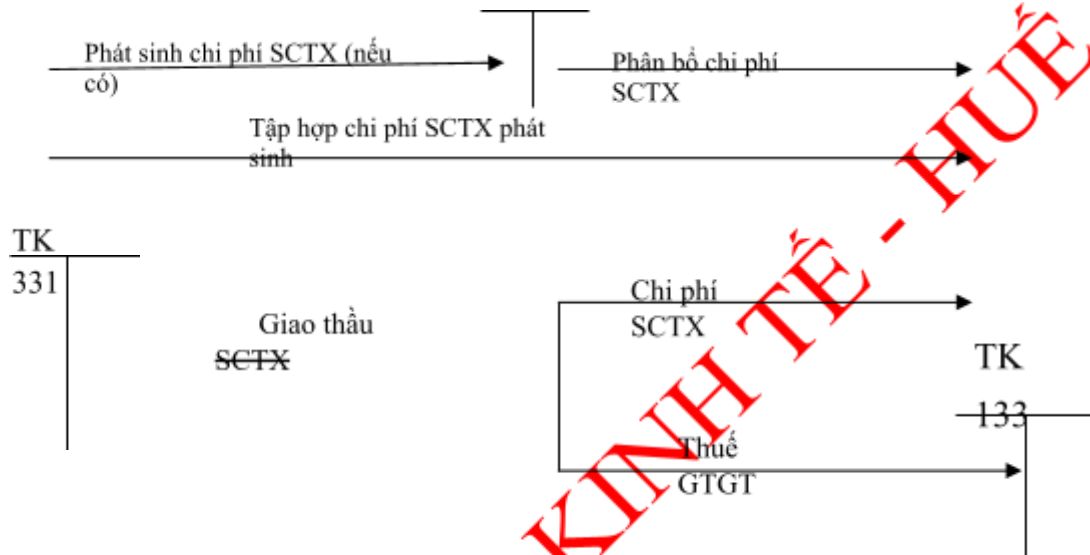
Chi phí cho công tác sửa chữa nhỏ nên kinh phí sửa chữa phản ánh trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng bộ phận có TSCĐ sửa chữa.

- Phương pháp hạch toán

TK
152,111,112,334

TK 142

TK 627,641,642



Sơ đồ 3: Hạch toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

1.2.6.2. Hạch toán sửa chữa lớn tài sản cố định

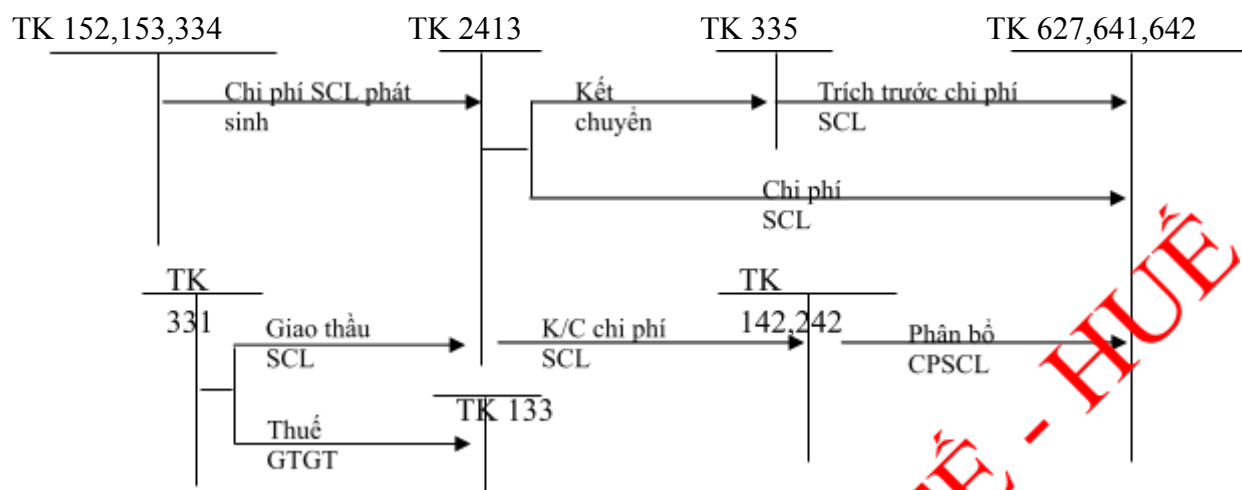
- Khái niệm:

Sửa chữa lớn TSCĐ là việc sửa chữa thay thế những bộ phận quan trọng chủ yếu của TSCĐ nhằm phục hồi năng lực ban đầu của TSCĐ. Sửa chữa lớn TSCĐ có các đặc điểm sau:

Công tác sửa chữa phải theo dự toán và kế hoạch được lập, thời gian sửa chữa thường dài và tài sản phải ngừng hoạt động.

Chi phí sửa chữa lớn phải phân bổ nhiều kỳ sản xuất kinh doanh nhằm ổn định giá thành sản phẩm sản xuất.

- Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 4: Hạch toán sửa chữa lớn tài sản cố định

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

Chương 2:

THỰC TRẠNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TÂN

2.1 Tổng quan về công ty

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thanh Tân tiền thân là một xí nghiệp sản xuất nước khoáng trực thuộc công ty dược phẩm Thừa Thiên Huế. Xí nghiệp nước khoáng, được thành lập từ tháng 4 năm 1982 với tài sản cố định ước tính khoảng 70 triệu đồng. Trong thời gian này xí nghiệp chỉ sản xuất kinh doanh một loại sản phẩm nước khoáng với sản lượng ban đầu khoảng 200.000 lít/năm.

Trong suốt thời gian từ năm 1982 đến năm 1998, doanh thu bán hàng của xí nghiệp ngày càng tăng, hiệu quả kinh tế khá, sản lượng sản xuất và tiêu thụ tăng qua các năm. Tuy nhiên, do công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp chưa được chú trọng, bên cạnh đó sự xuất hiện của hàng loạt các sản phẩm cùng loại của các công ty khác có mẫu mã đẹp đã làm cho sản lượng tiêu thụ trong thời gian gần đây khó khăn hơn. Việc xây dựng chiến lược phát triển trong thời gian tới để giữ vững thị trường cũng như đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ cần thiết của xí nghiệp.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính Phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định tách xí nghiệp nước khoáng Thanh Tân từ công ty dược phẩm Thừa Thiên Huế để tiến hành cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước đầu tiên của tỉnh. Sau 16 năm hoạt động phụ thuộc, xí nghiệp được tách ra và chuyển thành công ty cổ phần Thanh Tân, hoạt động độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân theo quyết định số 57/QĐ/UB ngày 10/04/1998 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty cổ phần Thanh Tân là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng để giao dịch.

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ

2.1.2.1 Chức năng công ty

Công ty cổ phần Thanh Tân có chức năng khai thác, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm được phẩm được sản xuất từ nguồn nước khoáng nóng Thanh Tân – xã Phong Sơn- Huyện Phong Điền- Tỉnh Thừa Thiên Huế, kinh doanh khách sạn, dịch vụ nghỉ dưỡng.

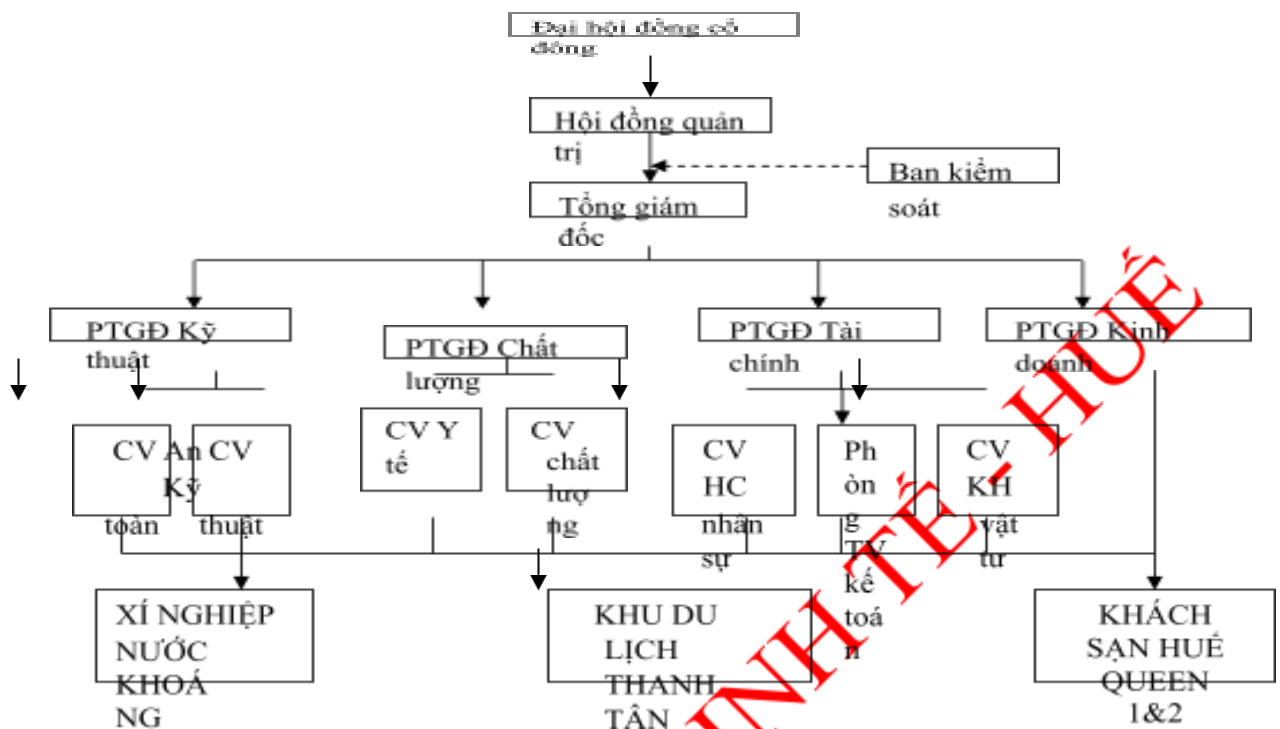
2.1.2.2 Nhiệm vụ của công ty

Công ty có các nhiệm vụ sau đây:

- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
- Đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nước khoáng nóng Thanh Tân tại xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần Thanh Tân – Thừa Thiên Huế



Sơ đồ 5: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần Thanh Tân – Thừa Thiên Huế

1, Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2, Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3, Ban giám đốc: Gồm có tổng giám đốc và phó giám đốc (gồm 4 phó giám đốc).

- **Tổng giám đốc:** Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền quyết định mọi vấn đề, xác định chiến lược kinh doanh, kế hoạch dài hạn và là người chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trước ban quản trị và toàn thể công ty.

-Phó tổng giám đốc: Là người trợ giúp tổng giám đốc trong việc điều hành và quản lý công việc kinh doanh trong công ty, gồm có:

+Phó tổng giám đốc kỹ thuật: Là người trợ giúp tổng giám đốc trong việc quản lý kỹ thuật, đưa ra giải pháp về máy móc, thiết bị trợ giúp cho công việc sản xuất tại công ty. Là người quản lý về kỹ thuật sản xuất tại đơn vị.

+Phó tổng giám đốc chất lượng: Là người trợ giúp tổng giám đốc trong việc quản lý quy trình sản xuất, kinh doanh và quá trình cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn. Nhằm đảm bảo quy trình theo tiêu chuẩn đề ra, và sản phẩm đạt tiêu chuẩn theo quy định.

+Phó tổng giám đốc tài chính: Là người giúp tổng giám đốc trong việc đưa ra các kế hoạch về tài chính, quản lý về tài chính tại công ty.

+Phó tổng giám đốc kinh doanh: Là người vạch ra kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, tìm ra nguồn tiêu thụ và và cung cấp dịch vụ tới với khách hàng.

4, Các phòng ban: Là nơi trợ giúp phó tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ của mình và là nơi trợ giúp các đơn vị trực thuộc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ.

-Chuyên viên an toàn: Là người trợ giúp phó tổng giám đốc kỹ thuật về các điều kiện an toàn làm việc của các nhân viên trong công ty, tìm hiểu và đưa ra các ý kiến về bảo hộ lao động tại công ty.

-Chuyên viên kỹ thuật: Là người trợ giúp phó tổng giám đốc kỹ thuật về các điều kiện sản xuất, về máy móc kỹ thuật phục vụ cho quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ tại công ty.

-Chuyên viên y tế: là người trợ giúp phó tổng giám đốc chất lượng về các dịch vụ sản xuất, về an toàn thực phẩm, về chất lượng sản phẩm nhằm bảo đảm an toàn về sản phẩm về chất lượng sản phẩm sản xuất ra và các dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong việc kinh doanh dịch vụ du lịch.

-Chuyên viên chất lượng: Là người đảm bảo về quy trình sản xuất sản phẩm theo một quy trình nhất định, đạt theo tiêu chuẩn an toàn của pháp luật quy định.

-Chuyên viên hành chính nhân sự: Là phòng đưa ra nhu cầu về lao động và tuyển chọn nguồn lao động tốt cho công ty.

-Phòng tư vấn kế toán: Là nơi thu thập, lưu giữ và báo cáo tình hình tài chính, sổ sách cho công ty. Và trợ giúp trong lĩnh vực thống kê và báo cáo tình hình tài chính tại công ty.

-Chuyên viên kế hoạch vật tư: Là nơi đưa ra kế hoạch vật tư, nguyên vật liệu sản xuất và cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

5, Đơn vị trực thuộc: Là nơi diễn ra quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ tới với khách hàng.

-Xí nghiệp nước khoáng: Là nơi sản xuất những sản phẩm từ nguồn nước khoáng thiên nhiên. Nơi tạo ra sản phẩm hàng hóa từ nguồn nước khoáng ra thị trường.

-Khách sạn Huế Queen1& 2: Gồm hai cơ sở là nơi cung cấp dịch vụ ăn nghỉ cho khách hàng và các dịch vụ khác.

-Khu du lịch Thanh Tân(Thanh Tân Spa): Là khu nghỉ dưỡng cung cấp nhiều dịch vụ nghỉ dưỡng và tham quan cho du khách trong và ngoài nước.

2.1.4 Tình hình năng lực của công ty.

2.1.4.1 Tình hình lao động

Lao động là yếu tố đầu vào không thể thiếu được của bất kỳ một quá trình sản xuất nào, nhất là đối với các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, sản xuất như công ty cổ phần Thanh Tân. Chính vì vậy, vấn đề lao động luôn được công ty chú trọng, nhất là vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của công ty.

Bảng 1: Tình hình lao động của công ty cổ phần Thanh Tân qua 3 năm 2008 - 2010

Chỉ tiêu	2008		2009		2010		So sánh		So sánh	
	Số lượng	Tỉ trọng (%)	Số lượng	Tỉ trọng (%)	Số lượng	Tỉ trọng (%)	2009/2008		2010/2009	
							(+/-)	(%)	(+/-)	(%)
Tổng số lao động	220	100,0%	243	100,0%	240	100,0%	23	10,5%	-3	-1,2%
1. Phân theo giới tính										
Nam	108	49,1%	114	46,9%	108	45,0%	6	5,6%	-6	-5,3%
Nữ	112	50,9%	129	53,1%	132	55,0%	17	15,2%	3	2,3%
2. Phân theo trình độ										
Trên đại học	1	0,5%	1	0,4%	1	0,4%	0	0,0%	0	0,0%
Đại học	36	16,4%	34	14,0%	35	14,6%	-2	-5,6%	1	2,9%
Cao đẳng	9	4,1%	8	3,3%	10	4,2%	-1	-11,1%	2	25,0%
Trung cấp	66	0,0%	64	26,3%	55	22,9%	-2	-3,0%	-9	-14,1%
Sơ cấp, học nghề	62	28,2%	71	29,2%	69	28,8%	9	14,5%	-2	-2,8%
Lao động phổ thông	46	20,9%	65	26,7%	70	29,2%	19	41,3%	5	7,7%

(Nguồn: công ty cổ phần Thanh Tân)

Qua bảng cho thấy số lượng lao động năm 2009 tăng hơn so với năm 2008 do khách sạn Thanh Tân được nâng cấp lên thành khách sạn 3 sao nên cần tuyển nhiều lao động hơn để phục vụ làm tăng lên lượng lớn lao động so với các năm trước. Tăng lên tới 23 lao động (hơn 10% so với năm 2008). Nhìn chung thì sự biến động về lao động là phù hợp với tình hình phát triển của công ty. Và cũng không có sự biến động mạnh về số lao động có trình độ và kinh nghiệm ở công ty.

Qua bảng số liệu trên cho ta thấy tình hình lao động năm 2010 giảm hơn so với năm 2009 là 3 người, tương ứng giảm 1,2%. Do hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ tại công ty đã đi vào hoạt động ổn định cùng với trình độ kỹ thuật của công nhân ngày càng hoàn thiện hơn nên công ty đang thực hiện chủ trương cắt giảm số giờ làm việc không cần thiết và tăng năng suất lao động của công nhân lên nên đã cắt giảm một số lao động phụ không cần thiết và tuyển thêm một số người có năng lực vào làm việc tại công ty.

Do tính chất công việc của công ty là kinh doanh cả lĩnh vực sản xuất lẫn lĩnh vực du lịch nên số lượng lao động nữ luôn lớn hơn số lượng lao động nam và số lượng

lao động nữ cũng biến động mạnh và công ty ngày càng tuyển nhiều công nhân nam vào làm việc ở các xí nghiệp sản xuất cũng như khách sạn.

Nhìn chung, đi đôi với việc tuyển thêm số lao động có trình độ, công ty còn chú trọng tới công tác đào tạo công nhân, cử cán bộ đi học hỏi nhằm nâng cao trình độ.

Nhằm tạo nên đội ngũ cán bộ công nhân có trình độ kỹ thuật cao nhằm ngày càng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.4.2 Tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Yếu tố đầu vào quan trọng và cơ sở để doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh là cần có đầy đủ nguồn vốn cho mình.

Nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn thay đổi từ hình thái này sang hình thái khác, quá trình này cứ xảy ra liên tục tạo thành quá trình luân chuyển vốn trong doanh nghiệp.

Vốn trong doanh nghiệp được tài trợ bởi hai nguồn chủ yếu:

-Nguồn vốn chủ sở hữu: Là vốn do nhà nước cung cấp đối với doanh nghiệp nhà nước, vốn của các bên tham gia góp vốn đối với công ty liên doanh, vốn của các cổ đông đối với công ty cổ phần, vốn tích lũy từ lợi nhuận giữ lại...

-Vốn đi vay: Vay dài hạn hoặc ngắn hạn, vay từ các tổ chức tín dụng, vay từ các công ty khác, của nhân viên...

Cũng như tất cả các công ty khác, công ty cổ phần Thanh Tân cũng rất chú trọng đến tình hình vốn của công ty. Đây là yếu tố hàng đầu để đánh giá tình trạng “*sức khỏe*” của công ty.

Tình hình vốn của công ty cổ phần Thanh Tân được thể hiện như sau:

Bảng 2: Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty cổ phần Thanh Tân qua 3 năm 2008 - 2010

Chỉ tiêu	2008		2009		2010		ĐVT: Triệu VND số sánh			
							2009/2008		2010/2009	
		%		%		%	(+/-)	%	(+/-)	%
Tổng nguồn vốn SXKD	67.052,5	100%	70.500,5	100%	85.437	100%	3.448,0	5%	14.953,2	21%
Theo hình thức luân chuyển vốn										
Tài sản ngắn hạn	9.604,6	14%	10.251,8	15%	10.452,4	12%	647,2	7%	200,6	2%
Tài sản dài hạn	57.447,8	86%	60.248,7	85%	75.001,3	88%	2.800,9	5%	14.752,6	24%
Theo hình thức hình thành vốn										
Nợ phải trả	26.924,7	40%	30.145,9	43%	44.208,4	52%	3.221,2	12%	14.062,5	47%
Vốn chủ sở hữu	40.127,8	60%	40.354,6	57%	41.245,3	48%	226,8	1%	890,7	2%

(Nguồn: công ty cổ phần Thanh Tân)

Qua bảng trên cho ta thấy công ty đang trong quá trình phát triển mạnh về cơ sở vật chất. Tình hình tài sản của công ty đang ngày càng được nâng cấp và xây mới làm cho tổng tài sản cũng như nguồn vốn đang ngày được nâng lên thông qua các năm. Từ năm 2008 đến năm 2009 do khủng hoảng kinh tế thế giới nên công ty cũng chịu ảnh hưởng rất lớn trong quá trình kinh doanh nhưng công ty vẫn phát triển ổn định và có nhiều thành tích trong kinh doanh nâng tổng tài sản từ 67 tỷ lên hơn 70 tỷ và nâng tổng nguồn vốn kinh doanh tại công ty lên. Năm 2009 công ty đã bắt đầu khai thác khách sạn Huế Queen 2 được nâng cấp từ khách sạn Thanh Tân cũ để phục vụ khách hàng. Khách sạn đưa vào sử dụng làm cho hoạt động kinh doanh tại công ty được phát triển mạnh về cung ứng dịch vụ và cung cấp các dịch vụ nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho khách hàng.

Tại công ty nguồn tài sản dài hạn chiếm một tỷ trọng lớn so với tài sản ngắn hạn điều này làm cho khả năng luân chuyển vốn của công ty khó khăn.

Và ở công ty tỷ lệ nợ phải trả chiếm một lượng lớn và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn từ năm 2009 tăng 12% so với năm 2008 nhưng đến năm 2010 thì lại tăng lên tới 47% so với năm 2009 điều này là không tốt cho công ty. Nhưng do công ty đang trong quá trình xây dựng cải tiến máy móc cơ sở vật chất nên điều này là hợp lý đối với quá trình phát triển của công ty.

Tóm lại nhìn vào bảng thì thấy tình hình hoạt động công ty có nhiều vấn đề cần xem xét. Nhưng đi sâu vào nghiên cứu thì cho thấy công ty đang ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn về dịch vụ sản phẩm của mình. Và hơn hết công ty đang cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và dịch vụ du lịch cũng như sản phẩm hàng hóa đang được thị trường công nhận và ngày càng ưa thích. Điều này là rất thuận lợi cho quá trình phát triển lâu bền sau này của công ty.

2.1.5 Đặc điểm tài sản tại công ty.

Là đơn vị vừa sản xuất vừa cung ứng dịch vụ nên tài sản cố định tại công ty gồm nhiều loại khác nhau nhằm phục vụ quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ. Và hơn hết tại công ty có nhiều cơ sở tại những địa điểm khác nhau nên tài sản cũng nằm nhiều vị trí khác nhau.

Công ty đang trong quá trình hoàn thiện cơ sở vật chất nên có nhiều tài sản mới đưa vào sử dụng và các tài sản này phần lớn nằm ở các đơn vị trực thuộc của công ty, nằm ở các nơi khác nhau nên khó khăn trong việc quản lý.

Trong nền Kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển cạnh tranh và các thành phần kinh tế khác, Công ty luôn chủ động đầu tư và đổi mới thiết bị, phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2.1.5.1 Phân loại tài sản cố định

Tại đơn vị có nhiều loại tài sản khác nhau nên để tiện cho quá trình quản lý và hạch toán chi tiết từng loại tài sản nên tại công ty phân loại tài sản gồm:

1, Tài sản cố định hữu hình.

- Nhà cửa, vật kiến trúc: do tại công ty có kinh doanh lĩnh vực du lịch nên tài sản về nhà cửa, vật kiến trúc chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng số tài sản tại công ty.

- Máy móc thiết bị: phục vụ cho sản xuất tại xí nghiệp, phục vụ cho quá trình cung ứng dịch vụ và cho công tác quản lý tại công ty.

2, Tài sản cố định vô hình.

Gồm có đền bù đất đai, hệ thống ISO, phần mềm và mua bản quyền nhãn hiệu Alba.

Công ty không có tài sản thuê tài chính.

2.1.5.2 Đánh giá tài sản cố định.

Để tiến hành hạch toán TSCĐ tính khấu hao và phân tích tình hình hiệu quả sử dụng TSCĐ ngoài việc phân loại tài sản cố định thì kế toán phải xác định giá trị TSCĐ theo nguyên tắc nhất định.

Tại Công ty cổ phần Thanh Tân tài sản cố định được đánh giá theo nguyên giá:

- Với loại TSCĐ mua sắm Công ty đánh giá như sau:

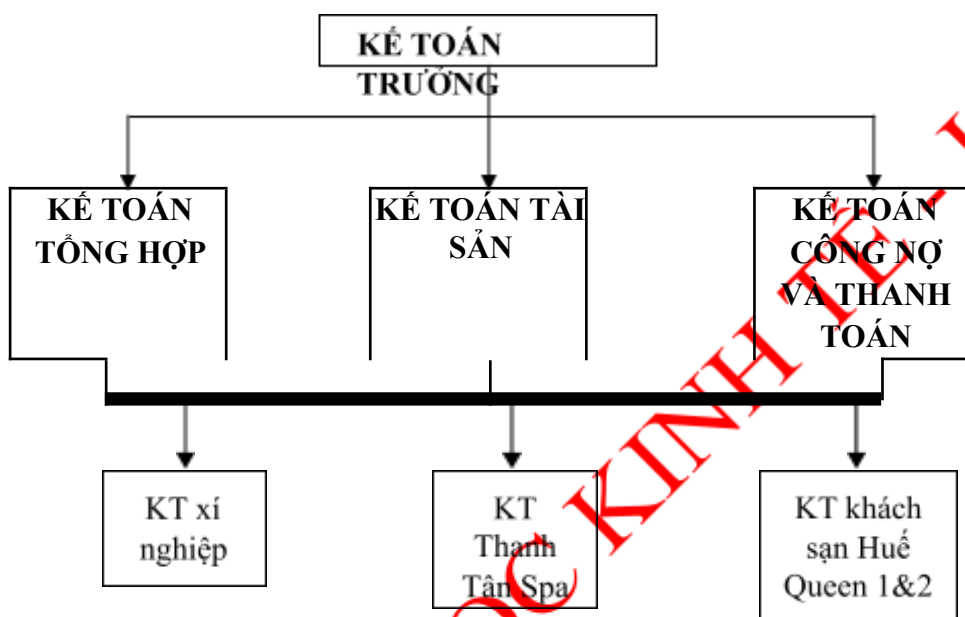
$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{TSCĐ (mua)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua tài sản cố định} \\ \text{sắm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các loại chi phí} \\ \text{Chiết khấu} \end{array} - \begin{array}{l} \text{(Thuế NK nếu có)} \\ \text{khoản giảm giá} \end{array} \quad \text{(Các} \end{array}$$

(Hoá đơn)

- Với tài sản xây dựng cơ bản bàn giao: thì giá trị được xác định bằng tổng chi phí đầu tư được quyết toán khi xây dựng hoàn thành.

2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.

2.1.6.1 Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân



Sơ đồ 6: Bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân

Chức năng và nhiệm vụ của các phần hành cụ thể

-Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm điều hành chung về mọi hoạt động liên quan đến nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong phòng kế toán. Các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau cùng giúp cho kế toán trưởng nắm tình hình hoạt động tài chính của công ty. Đồng thời kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước thường trực Hội đồng quản trị và ban giám đốc về việc phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh chuyên môn nghiệp vụ, chế độ báo cáo, quyết toán của công ty.

-Kế toán tổng hợp: Vào cuối kỳ sản xuất kinh doanh, trên cơ sở chứng từ các đơn vị cấp dưới gửi lên, kế toán tổng hợp tiến hành ghi sổ cái, sổ tổng hợp, cộng sổ tổng hợp, sổ chi tiết, đối chiếu sổ sách chi tiết với sổ cái, lên báo cáo kế toán theo biểu mẫu kế toán hiện hành. Đồng thời, kế toán tổng hợp còn phụ trách việc lưu giữ hóa đơn chứng từ của toàn bộ công ty, phụ trách phần kê khai và tính thuế, và phần cổ phần, chia cổ tức.

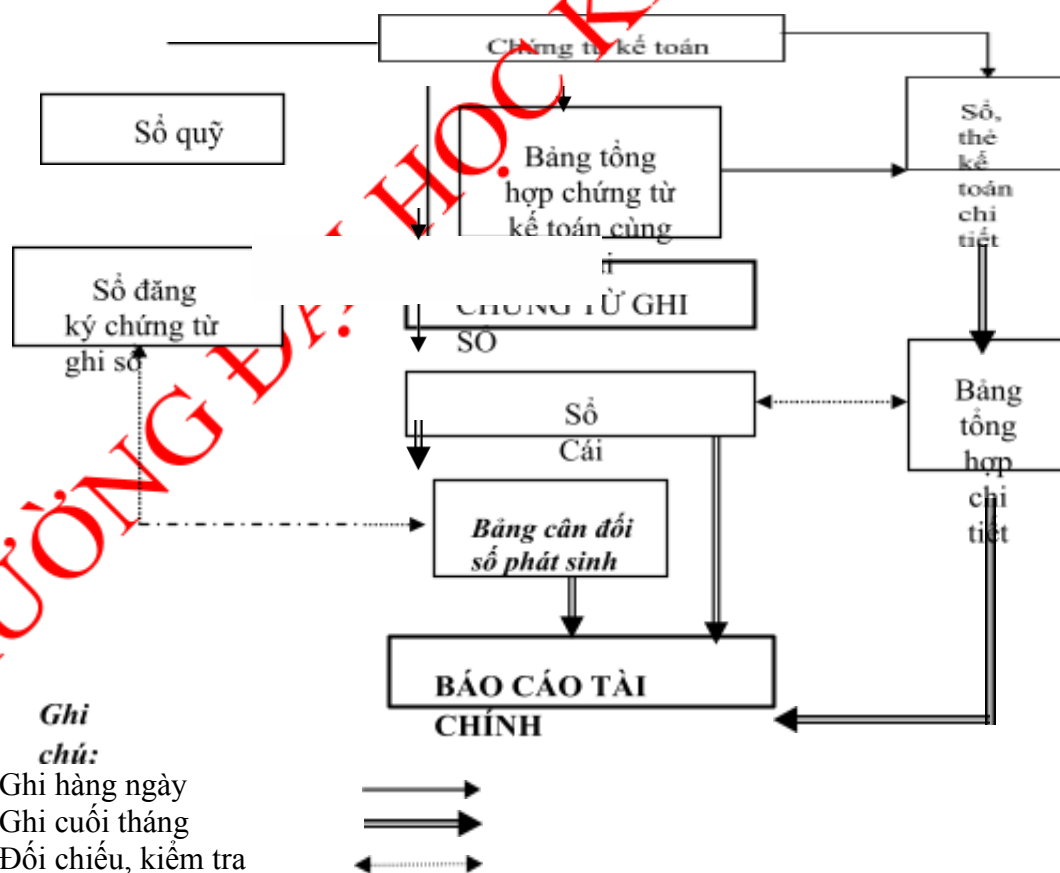
-Kế toán tài sản: Mở sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định có tại công ty. Ghi chép tất cả các loại tài sản phát sinh tăng giảm trong kỳ. Theo dõi tổng mức khấu hao, giá trị còn lại. Có ý kiến đề xuất sửa chữa, hoặc lập tờ trình với cấp trên xin thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Kế toán tài sản cố định còn phụ trách việc in vé cho khu du lịch Thanh Tân Spa.

-Kế toán công nợ và thanh toán: Theo dõi việc thanh toán với cán bộ nhân viên trong công ty, như: Thanh toán lương, tạm ứng..., và các việc thanh toán với nhà cung cấp, khách hàng.

- Kế toán các đơn vị trực thuộc: Là nơi thực hiện công việc ghi chép, thống kê sổ sách tình hình hoạt động tại đơn vị, cuối mỗi tháng hay quý thì cung cấp số liệu theo yêu cầu của kế toán công ty mẹ để làm báo cáo và vào sổ sách kế toán phù hợp.

2.1.6.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.

↓ Công ty cổ phần Thanh Tân đang áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.



Sơ đồ 7: Hình thức chứng từ ghi sổ

Theo hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trên chứng từ đã được phân loại và ghi vào chứng từ ghi sổ, sau khi đã định khoản đối ứng, các chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại. Các loại chứng từ kế toán được sử dụng:

+ Chứng từ ghi sổ: Là chứng từ dùng để ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại những thời điểm cụ thể.

+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ: Là loại sổ kế toán tổng hợp dùng để đăng ký tổng hợp số tiền hoặc các chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian. Đây cũng là cơ sở đối chiếu với sổ phát sinh. Ở công ty không dùng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

+ Sổ cái: Là loại sổ kế toán tổng hợp dùng để tổng hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo các tài khoản tổng hợp theo quy định. Hiện nay công ty đang sử dụng mẫu sổ cái riêng.

+ Bảng cân đối số phát sinh: Dùng để tổng hợp số phát sinh bên Nợ, bên Có của tất cả các tài khoản trên sổ cái, nhằm kiểm tra việc tập hợp và hình thức hóa số liệu trên sổ cái đồng thời làm căn cứ để thực hiện đối chiếu số liệu.

+ Bảng cân đối kế toán: Là báo cáo tài chính của doanh nghiệp thể hiện sự cân đối giữa tài sản và nguồn vốn, qua đó cung cấp thông tin tổng quát về tình hình và triển vọng tài chính của doanh nghiệp.

+ Các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết: Dùng để ghi chép chi tiết các đối tượng kế toán cần theo dõi chi tiết nhằm phục vụ yêu cầu tính toán một số chỉ tiêu, tổng hợp, và kiểm tra mà các sổ kế toán tổng hợp không thể đáp ứng được.

Ngoài ra, công ty còn sử dụng nhiều loại chứng từ, sổ kế toán khác để phục vụ cho công tác kế toán tại công ty.

Từ những năm về trước công ty còn thực hiện công việc kế toán chủ yếu còn thủ công, có sử dụng phần mềm EXCEL, bắt đầu từ năm 2011 công ty bắt đầu sử dụng phần mềm kế toán **BRAVO** nhằm quản lý về mặt tài chính lại công ty được tốt hơn giảm nhẹ công việc cho kế toán tại đơn vị trực thuộc công như tại công ty.

2.1.6.3. Chính sách kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân

-Tại công ty cổ phần Thanh Tân- Thừa Thiên Huế công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

-Công ty cổ phần Thanh Tân đang áp dụng phương pháp tính thuế theo phương pháp khấu trừ. Do hoạt động của công ty ở nhiều lĩnh vực khác nhau nên công ty áp dụng phương pháp tính thuế theo phương pháp khấu trừ để có thể thuận tiện trong việc hạch toán và kinh doanh cũng như tập hợp được chi phí phát sinh được thuận tiện và dễ dàng hơn.

-Tài sản cố định ở công ty có nhiều loại và mục đích sử dụng khác nhau nên công ty đã sử dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, phương pháp này được công ty sử dụng để tính khấu hao cho tất cả các tài sản có tại công ty và các chi nhánh của công ty

*-Mức khấu hao trung
bình hằng năm*

*NG của
TSCĐ*

*=
Thời gian sử
dụng*

*-Mức khấu hao trung bình
hằng tháng*

*=
Mức khấu hao TSCĐ hàng năm*

12

2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thanh Tân.

2.2.1 Kế toán tăng tài sản cố định

Việc mua sắm, tăng tài sản cố định tại mọi đơn vị trực thuộc công ty cổ phần Thanh Tân đều do công ty mẹ quyết định. Nguồn vốn của các cổ đông và nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính cũng như nguồn vốn hình thành từ kết quả kinh doanh để lại

Ở công ty tài sản tăng từ hai hình thức chính sau đây:

-Tăng do mua sắm: là các máy móc thiết bị trong công việc sản xuất và cung ứng dịch vụ du lịch của các đơn vị.

-Tăng do xây dựng cơ bản: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, cung ứng dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng các đơn vị phụ thuộc đều nằm ở các nơi khác nhau nên ở công ty cần phải xây dựng nên nhiều công trình kiến trúc nhằm phục vụ cho mục đích kinh doanh tại công ty cũng như các đơn vị trực thuộc của công ty.

Đề hạch toán TSCĐ công ty sử dụng Tk 211: tài sản cố định. Tài khoản này chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2 vì công ty không có tài sản thuê tài chính.

TK 2111: tài sản cố định hữu hình.

TK 2113: Tài sản cố định vô hình.

Việc chi tiết tài sản cố định của công ty được kế toán theo dõi TSCĐ ghi chép hạch toán trên cơ sở của những chứng từ ban đầu như: Hợp đồng mua bán tài sản cố định, hóa đơn (nếu có), biên bản bàn giao, giao nhận tài sản cố định, các chứng từ liên quan đến chi phí vận chuyển, ... (nếu có), quyết toán được duyệt đưa vào sử dụng và bản thanh lý hợp đồng(nếu có) để ghi tăng TSCĐ.

Tài sản cố định chủ yếu phân bổ ở các cơ sở của công ty, còn tại văn phòng công ty chỉ có một phần nhỏ tài sản. Tài sản ở công ty chủ yếu là cơ sở hạ tầng (chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tài sản ở công ty). Còn một lượng nhỏ là các máy móc nhằm phục vụ công tác sản xuất và cung ứng dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng.

Việc mua sắm tài sản cố định tại công ty do công ty mẹ quyết định nhưng dựa vào nhu cầu của đơn vị trực thuộc. Các đơn vị trực thuộc có nhu cầu mua sắm tài sản thì gửi phiếu yêu cầu lên cho công ty mẹ. Công ty mẹ tiến hành xem xét nhu cầu và tiến hành mua sắm dựa vào khả năng tài chính và mục tiêu phát triển của công ty. Tài sản được mua theo kế hoạch của công ty nếu tài sản đó có giá trị lớn. Còn đối với những tài sản có giá trị nhỏ thì việc mua sắm dựa vào sự cần thiết của nó và yêu cầu của đơn vị trực thuộc thì công ty quyết định mua sắm sau khi nhận được yêu cầu của đơn vị trực thuộc.

Quá trình mua sắm bắt đầu từ đơn vị trực thuộc gửi phiếu yêu cầu lên cho công ty mẹ. Công ty mẹ tiến hành xem xét đưa ra quyết định nếu đồng ý mua thì công ty giao nhân viên vật tư khảo sát giá và chất lượng các sản phẩm trên thị trường rồi làm phiếu báo giá gửi về công ty mẹ xem xét đưa ra quyết định chọn sản phẩm phù hợp.

Khi sản phẩm được quyết định mua thì
mua). thu.
tiến hành mua (do bộ phận kinh doanh Về
nhập tại đơn vị sử dụng tiến hành lắp ráp,
chạy thử và lập biên bản nghiệm
Xong chuyển toàn bộ chứng từ liên quan lên kế
toán tiến hành ghi sổ và hạch
toán theo đúng quy định hiện hành của bộ tài chính và các cơ quan quản lý.

Ví dụ mua sắm tài sản cố định theo kế hoạch trước của công ty:

Theo kế hoạch công ty cổ phần Thanh Tân mua “máy chiết đóng nắp dập xiết
nắp” nhằm phục vụ công tác sản xuất sản phẩm nước khoáng tại xí nghiệp, nhằm nâng
cao sản lượng sản phẩm và cải tiến máy móc kỹ thuật lạc hậu tại công ty. Công ty đã
quyết định mua “máy chiết đóng nắp dập xiết nắp” .

Theo quy định về mua sắm tài sản thì công ty đã giao cho bộ phận kinh doanh
của công ty tìm hiểu về sản phẩm, chất lượng và giá cả của tất cả các sản phẩm trên thị
trường trình lên Tổng Giám đốc để đưa ra quyết định lựa chọn nhà cung cấp tài sản.

Dựa vào bảng báo giá của bên bán công ty tiến hành ký kết hợp đồng với bên
bán.

“Máy chiết đóng nắp dập xiết nắp” là sản phẩm được sản xuất tại Đài Loan đại diện
bên bán công ty TNHH Thiết Bị Máy Móc Đại Chính Quang (đại diện của Taiwan
Filler Tech Co.,Ltd tại Việt Nam).

Khi đã chọn được đối tác cung ứng sản phẩm công ty tiến hành lập hợp đồng
kinh tế

**BẢNG HỢP ĐỒNG KINH TẾ gồm 04 bản bằng tiếng Anh mỗi bên giữ
02 bản (Phụ lục 01)**

Khi hợp đồng kinh tế được ký kết xong thì phía người bán bắt đầu thực hiện
công tác xuất khẩu và vận chuyển máy móc tới tận cảng thì công ty bắt đầu tiến hành
nhận thiết bị máy móc, đồng thời công ty cũng đã chuyển khoản để thanh toán 30%

giá trị theo như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Khi ký kết xong hợp đồng thì kế toán công nợ tiến hành chuyển khoản trả tiền cho đơn vị bán sản phẩm.

Định khoản:

Nợ TK 331 920 453 100 VNĐ

Có TK 1122 920 453 100 VNĐ

Có TK 007 48300 USD

Và xem xét tình hình lắp đặt sản phẩm của bên bán. Khi lắp đặt và chạy thử hoàn thành thì bắt đầu tiến hành nghiệm thu máy móc thông qua biên bản nghiệm thu sản phẩm. (Bản nghiệm thu gồm 4 bản mỗi bên giữ 2 bản).

Bảng 3: Biên bản nghiệm thu

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
&-&-&-&-&

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Căn cứ vào các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng số: 11/11/TT-TFTC ngày 01/12/2009 giữa TAIWAN FILLER CO.,LTD và CÔNG TY CP THANH TÂN – THỪA THIÊN HUẾ
Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2010 chúng tôi gồm có:

A, BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TÂN – THỪA THIÊN HUẾ

- Ông: Lê Văn Hòa Chức vụ: Phó tổng GD kinh doanh công ty
- Ông: Trần Phúc Nguyên Chức vụ: Phó tổng GD kỹ thuật công ty.
- Ông: Nguyễn Xuân Thịnh Chức vụ: Chuyên viên an toàn của công ty
- Ông: Phạm Trần Vũ Quang Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp nước khoáng
- Ông: Nguyễn Thanh Tú Chức vụ: Trưởng cơ điện xí nghiệp nước khoáng.

B, BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH TB MÁY MÓC ĐẠI CHÍNH QUANG (ĐẠI DIỆN CỦA TAIWAN FILLER TECH CO.,LTD TẠI VIỆT NAM)

Bà: Nguyễn Thụy Nhi Chức vụ: Giám đốc
Ông: Nguyễn Toàn Thắng Chức vụ: Chuyên viên lắp máy.

I, THỰC TRẠNG KHI NGHIỆM THU:

Hai bên cùng tiến hành lắp ráp, chạy thử và nghiệm thu bàn giao như sau:

1, Chất lượng và các thông số kỹ thuật cơ bản của máy chiết rót, dập nắp, xiết nắp:

Bên bán đã cung cấp đúng chủng loại: máy chiết, đóng nắp dập xiết nắp, TE-EPB-VKCA-120404 số lượng 01, chất lượng mới 100%, đúng thông số kỹ thuật như sau:

Máy bao gồm 01 chức năng chiết nước khoáng có gas (như mẫu chai khách hàng đã cung cấp) và 02 chức năng dập nắp sắt và xiết nắp nhôm.

Nguyên lý : Dạng quay tròn
Nguyên lý chiết : Chiết đối lưu
Nguyên liệu chiết : Nước khoáng có gas
Nhiệt độ chiết : 2-4 °C
Năng suất : 50 chai/ phút.

Loại chai : chai thủy tinh, dung tích 300ml và 460 ml

2, Kết quả lắp đặt, vận hành, giao nhận thiết bị:

2.1, trách nhiệm bên bán: đã lắp đặt và cho chạy thử trên nguyên liệu nước khoáng có gas và nước giải khát sản xuất trên nền nước khoáng gồm 2 phần chiết rót, dập nắp.

Thiết bị gồm 2 bộ phận chiết rót và dập nắp đã vận hành đạt yêu cầu kỹ thuật.

Bên bán đã hướng dẫn cách vận hành, thao tác, sử dụng máy cho nhân viên kỹ thuật bên mua

Bên mua đồng ý nhận thiết bị đã lắp đặt 2 bộ phận (chiết rót và đóng nắp) đưa và sử dụng cho sản xuất và nghiệm thu.

Thời gian lắp đặt, chạy thử từ 1.7.2010 đến 2.8.2010 bên bán tạm bàn giao cho bên mua chạy thử.

2.2, phần xiết nắp nhôm (giá trị trong hợp đồng là 35.000USD) : chưa nghiệm thu vì bên bán chế tạo chưa xong.

2.3, Yêu cầu bên mua:

Phản hành kỹ thuật bên bán mà đại diện là Đại Chính Quang chấp nhận bảo hành 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu.

Trong thời gian bảo hành nếu có sự cố bên bán phải có mặt khắc phục sự cố chậm nhất 24h kể từ khi nhận được thông báo của bên mua

II, VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG:

1, Tình hình thực hiện hợp đồng

Bên mua đã thực hiện thanh toán đầy đủ về giá trị và đúng thời gian như đã ghi trong hợp đồng.

Bên mua đã đề nghị tạm dừng chế tạo bộ phận xiết nắp chai nhưng bên bán vẫn tiếp tục thực hiện.

Bên bán và đại diện thực hiện chậm so với hợp đồng 4 tháng (căn cứ vào hợp đồng và ngày giao nhận nghiệm thu máy) thời gian chậm trễ này đã gây tổn thất cho bên mua về doanh thu và thị phần.

2, yêu cầu bên mua:

Bên bán cung cấp bộ phận xiết nắp, lắp đặt, bàn giao và có “ văn bản xác nhận nghiệm thu xong bộ phận xiết nắp bên mua mới thanh toán phần tiền còn lại là 35.000 USD”

Những tổn thất của bên mua do bên bán giao hàng và lắp đặt chậm bên mua không đòi hỏi bồi thường tuy nhiên bên mua yêu cầu bên bán gửi văn bản xác nhận” khi nào có biên bản nghiệm thu bộ phận xiết nắp chai bên mua sẽ thanh toán đầy đủ phần tiền còn lại “ cho ngân hàng của Đài Loan và Việt Nam.

Biên bản nghiệm thu được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

Ngày 08 tháng 9 năm 2010

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

(Nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

Hóa đơn(phụ lục 2)

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu và hóa đơn mà bên bán giao cho thì kế toán bắt

đầu :

Tại đơn vị sử dụng bắt đầu lập phiếu nhập kho để đưa sản phẩm vào sử

dụng. (Ở đây phiếu nhập kho dùng thay cho biên bản kết thúc hợp đồng). Vì các đơn

vị hạch toán phụ thuộc vào công ty, ở các đơn vị kế toán đơn vị chịu trách nhiệm ghi

chép thống kê và báo cáo lên công ty và cuối mỗi quý để tiến hành hạch toán và ghi sổ kế toán.

Bảng 4: Phiếu nhập kho

PHIẾU NHẬP KHO		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)					
Bộ phận:.....		Ngày 25 tháng 9 năm 2010					
		Số:193					
		Nợ: Có:					
-Họ, tên người giao hàng: TAIWAN FILLER TECH CO.,LTD							
-Theo hóa đơn số M981254 ngày 18 tháng 7 năm 2010 .							
của.....							
.....							
Nhập kho tại: xí nghiệp. Địa điểm:							
ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo c.từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Máy chiết đóng nắp dập và xiết nắp MODEL:TF-EPR-VKCA-120404 (theo HĐ KT số 11/11/TT-TFTC/09 năm 01/12/2009)		Bộ		01	161.000USD	3.068.177.000VNĐ
					Tỷ giá:19.057 VNĐ		
	Cộng :						3.068.177.000VNĐ
Tổng số tiền (viết bằng chữ): ba tỷ không trăm sáu tám triệu một trăm bảy bảy ngàn đồng							
Số chứng từ gốc kèm theo:.....							
Ngày 25 tháng 9 năm 2010							
Người lập phiếu		Người giao hàng		Thủ kho		Thủ trưởng đơn vị	

(Nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

Ở đây phiếu nhập kho chỉ để ghi nhận giá trị tài sản tại xí nghiệp sản xuất. Vào cuối quý thì kế toán tại xí nghiệp bắt đầu gửi số liệu lên cho kế toán công ty tiến hành ghi sổ và hạch toán.

Dựa trên hóa đơn, biên bản nghiệm thu, phiếu nhập kho và điều kiện tại hợp đồng kinh tế với người bán lên thì kế toán bắt đầu định khoản và ghi sổ kế toán:

-Định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 2111 2.789.251.818 VNĐ

Nợ TK 1331 278.925.182 VNĐ

Có TK 331 1 587 448 100 VNĐ

Có TK 1122 1 480 728 900 VNĐ

Có Tk 007 77 700 USD

(còn lại 35.000USD chưa thanh toán do phía bán chưa hoàn thành việc lắp đặt hạng mục còn lại cho công ty nên công ty chưa thanh toán)

Toàn bộ chi phí như: thuế nhập khẩu , phí lệ phí và bảo hiểm nhập khẩu và thuế GTGT phải nộp thì bên bán nộp tính vào tổng giá mà công ty Thanh Tân sẽ thanh toán là 161000USD. Thuế nhập khẩu và các chi phí khác đều được ghi nhận vào giá trị tài sản. *(Thuế GTGT được theo dõi bởi kế toán tổng hợp).*

-Khi tài sản được nhập kho(công ty ghi nhận giá trị tài sản cố định) thì kế toán tài sản cố định tại công ty tiến hành ghi sổ kế toán

-Kế toán tài sản cố định tiến hành ghi thẻ tài sản cố định như sau:

Bảng 5: Thẻ tài sản cố định

Mẫu số S21 và S23-N

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03.2006 của bộ trưởng BTC)

**THẺ TÀI SẢN CỐ
ĐỊNH
MÁY CHIẾT ĐÓNG
NẤP DẬP VÀ XIẾT
NẤP**

Ghi tăng TSCĐ						Khấu hao TSCĐ				Ghi giá trị còn lại	
STT	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu	Tháng năm đưa vào SD	Thời Gian SD (năm)	Nguyên Giá TSCĐ(đ)	Năm	Tỷ lệ(%)	Mức khấu hao		Cộng dồn
	Số hiệu	Ngày									
		25.9.2010	Máy chiết đóng nắp dập và xiết nắp	2010	8	2.789.251.818	2010	12,5%	0	0	2.789.251.818
		31.12.2010	Máy chiết đóng nắp dập và xiết nắp	2010	8	2.789.251.818	2010	12,5%	92.656.653	92.656.653	2.696.595.165
		31.12.2011	Máy chiết đóng nắp dập và xiết nắp	2010	8	2.789.251.818	2010	12,5%	348.656.477	441.313.130	2.347.938.688
			Cộng								

Ngày 25 tháng 9 năm 2010

Kê toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: công ty cổ phần Thanh Tân)

Và ghi vào sổ chi tiết tài sản cố định tại công ty (**phụ lục 03**) công ty sử dụng trên phần mềm EXCEL nên có hình thức sổ riêng cho công ty mình. Và cũng có ghi trên mẫu sổ của Bộ Tài Chính: Sổ tài sản cố định. (**Phụ lục 04**)

Cuối mỗi kỳ dựa vào sổ kế toán kế toán tài sản cố định bắt đầu ghi lên chứng từ ghi sổ dựa vào sổ chi tiết tài sản cố định và sổ tài sản cố định để ghi chứng từ ghi sổ

Bảng 6: Chứng từ ghi sổ

CHỨNG TỪ GHI SỔ - SỔ 73 Ngày 06 tháng 01 năm 2011			
Trích Yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Tăng tài sản cố định	2111	331	1.308.522.918
Tăng tài sản cố định	2111	1122	1.480.728.900
Thuế GTGT	1331	331	278.925.182
Cộng			3.068.177.000

Kế toán
trưởng

(Nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

Người lập

Căn cứ chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành ghi vào sổ cái TK 2111 thường được ghi vào cuối quý và cuối niên độ kế toán. Để tập hợp toàn bộ số dư cuối kỳ của tất cả các tài khoản đối ứng lên sổ cái, để lập báo cáo quý và năm.

Bảng 7: Sổ cái

CÔNG TY CP THANH TÂN- HUẾ		
SỔ CÁI		
TÀI KHOẢN 2111: "Tài sản cố định hữu hình" số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010		
Nợ: 88.059.932.108		
Có:		
Ghi Có tài khoản đối ứng Ghi Nợ tài khoản này		Cả năm
1111		4.015.268.000
1121		9.508.554.438
1122		1.480.728.900
331		2.152.681.500
Cộng Nợ		17.157.232.838
Cộng Có		17.157.232.838
Số dư	Nợ	71.056.727.826
	Có	155.615.388

(Nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

2.2.2 Kế toán giảm tài sản cố định

Ở công ty tài sản chủ yếu là máy móc và nhà cửa kiến trúc nên tài sản giảm ở công ty chủ yếu là máy móc thiết bị do đã hết giá trị sử dụng hoặc do công nghệ kỹ thuật ngày càng phát triển nên đòi hỏi cần có thiết bị mới để đuổi kịp với khoa học công nghệ hoặc để cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Nhìn chung tại công ty đang trong quá trình hoàn thiện cơ sở vật chất nên việc giảm tài sản ở công ty là rất ít, toàn những máy móc đã sử dụng lâu năm hay không đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật đề ra, được công ty tổ chức thanh lý nhượng bán.

Quá trình thanh lý nhượng bán tài sản cố định tại công ty thường được tổ chức thanh lý theo đơn vị phụ thuộc, toàn bộ tài sản hết hạn hay cần được thay thế thì đơn vị trực thuộc lập một danh sách rồi gửi lên cho công ty mẹ. Và công ty mẹ tiến hành lập

hội đồng thanh lý tài sản cố định và tiến hành quy trình thanh lý tài sản cố định tại công ty theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài Chính cũng như cơ quan quản lý.

Sự giảm tài sản đều do công ty mẹ quyết định còn đối với các đơn vị chỉ là nơi sử dụng và bảo quản tài sản đó mà thôi.

TSCĐ ở công ty giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau. Các trường hợp giảm tài sản thường xảy ra ở công ty cổ phần Thanh Tân:

-Đối với tài sản đã khấu hao hết:

+Khi tài sản đã khấu hao hết mà còn giá trị sử dụng thì công ty tiếp tục sử dụng mà không còn tính khấu hao hoặc đem thanh lý tài sản đó thì sẽ đem lại lợi nhuận cho công ty từ việc thanh lý tài sản đó hoặc đưa cho bộ phận bảo trì tận dụng các thiết bị, bộ phận tài sản đó có thể sử dụng được để phục vụ cho quá trình bảo dưỡng sửa chữa của bộ phận bảo trì tại công ty.

+ Còn khi tài sản đó không còn giá trị sử dụng và không còn thể tận dụng được nữa thì tài sản đó được đem đi hủy.

-Đối với tài sản chưa khấu hao hết mà không còn giá trị sử dụng đối với công ty do hư hỏng hay do không phù hợp đối với công việc kinh doanh hiện tại đối với công ty thì công ty tiến hành xem xét và đưa ra quyết định thanh lý hay hủy đối với tài sản đó (các tài sản này còn giá trị chưa hao mòn hết).

+Khi đem thanh lý tài sản mà giá trị thu hồi được nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản thì phần chênh lệch đó được đưa vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm đó, nếu giá trị còn lại quá lớn thì phân bổ chi phí đó trong vài năm để giảm chi phí xuống.

+Khi đem thanh lý mà giá trị thanh lý lớn hơn giá trị còn lại của tài sản thì phần chênh lệch đó được đưa vào doanh thu khác cho công ty (đem lại lợi nhuận cho công ty).

+ Trường hợp không thể đem bán thì chuyển cho bộ phận bảo dưỡng tại đơn vị tận dụng các bộ phận của tài sản hỏng đó để phục vụ cho quá trình bảo dưỡng tại công ty hoặc đem tài sản đó đi hủy.

Mọi chi phí liên quan tới quá trình thanh lý tài sản cố định tại công ty được đưa vào chi phí hoạt động tại công ty: Tài khoản 642 và chi phí quản lý tại đơn vị đó.

Ví dụ: Quá trình thanh lý tài sản cố định như sau:

Đơn vị phụ thuộc liệt kê toàn bộ tài sản cần thanh lý và cần thay thế gửi lên công ty mẹ căn cứ vào bản liệt kê đó thì công ty mẹ tiến hành lập hội đồng thanh lý tài sản cố định và tiến hành họp hội đồng thanh lý tài sản cố định.

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng thanh lý(**PHỤ LỤC 5**)

Kế toán tiến hành lập biên bản thanh lý cho từng tài sản chi tiết theo đúng quy định của Bộ Tài Chính.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

Bảng 8: Biên bản thanh lý tài sản cố định

Đơn vị : C.TY CP THANH TÂN TT-HUẾ

Mẫu số : 02-TSCĐ

Bộ phận: khu du lịch TTSPA

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 30 tháng 03 năm 2010

Căn cứ quyết định số: 64 ngày 20 tháng 03 năm 2010 của chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Thanh Tân Thừa Thiên Huế về việc thanh lý TSCĐ.

I – Ban thanh lý TSCĐ gồm:

1/ Bà Lê Thị Châu – Tổng giám đốc	chủ tịch hội đồng thanh
lý. 2/ bà Nguyễn Thị Hồng Thái – phó tổng giám đốc	phó chủ
tịch hội đồng	
3/ Ông Lê Văn Hòa – phó tổng giám đốc kinh doanh	Ủy viên
4/ Ông Trần Phúc Nguyên – phó tổng giám đốc KT	Ủy viên
5/ Bà Thái Lê Phương – phó tổng giám đốc chất lượng	Ủy viên
6/ Ông Hoàng Ngọc Mai – Kế toán Trưởng	Ủy viên
7/ Bà Trần Anh Đào – phó phòng kế toán	Ủy viên
8/ Bà Đặng Thị Dung – kế toán tài sản	Ủy viên
9/ Ông Vũ Xuân Trúc – Giám đốc TTSPA	Ủy viên
10/ Ông Trương Như Thắng – Phó giám đốc TTSPA	Ủy viên
11/ Bà Hoàng Thị Hồng – PT kế toán TTSPA	Ủy
viên	

II – Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên TSCĐ : Máy Làm Nước đá
- Số hiệu TSCĐ :
- Nước sản xuất(xây dựng): Việt Nam
- Năm sản xuất: 2002
- Năm đưa vào sử dụng: 2003
- Nguyên giá: 7 500 000đ
- giá trị hao mòn đã trích tới thời điểm thanh lý: 3 943 000đ
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 3 557 000đ

III Kết luận của hội đồng thanh lý TSCĐ:

Máy làm nước đá không sử dụng được do hư hỏng thiết bị làm lạnh không sử dụng được, thanh vỏ máy bị rỉ sét do tiếp xúc với nước không tận dụng được. Hội đồng nhất trí cho xử hủy. Giá trị còn lại được đưa vào hạch toán trong năm 2010.

Ngày 30 tháng 03 năm 2010

Chủ tịch HĐ thanh lý

(nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

Căn cứ vào từng tài sản thì kế toán tiến hành xử lý theo quyết định của hội đồng thanh lý.

Và kế toán bắt đầu ghi vào sổ chi tiết tài sản cố định tại công ty (**Phụ lục 6**)

Và ghi giảm tài sản cố định vào sổ kế toán cố định(**Phụ lục 04**)

Và tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 214: 3 943 000 VNĐ

Nợ TK 811: 3 557 000 VNĐ

Có TK 211: 7 500 000 VNĐ

Và tiến hành ghi chứng từ ghi sổ ở quý 1 chứng từ ghi sổ thường được ghi vào cuối mỗi quý và cuối niên độ tài chính

Bảng 9: Chứng từ ghi sổ

CHỨNG TỪ GHI SỔ - SỐ			
03			
Ngày 06 tháng 4 năm 2010			
Trích Yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Giảm tài sản cố định hữu hình	214	211	3.943.000
Chi phí khác	811	211	3.557.000
Cộng			7.500.000

kèm theo: 2 chứng từ gốc

Kế toán
trưởng

(nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

Huế, ngày 06 tháng 4 năm
2010

Người lập

2.2.3 Đối với tài sản cố định vô hình:

Ở công ty tài sản cố định vô hình gồm:

-Đền bù đất đai

-Hệ thống ISO, phần mềm

-Mua bản quyền nhãn hiệu Alba

Đối với quyền sử dụng đất và các chi phí khác công ty còn hạch toán vào tài sản cố định Hữu hình. Và ở tại công ty chưa khấu hao tài sản cố định vô hình do công ty đang trong quá trình hoàn thiện cơ sở vật chất nên giá trị tài sản mới rất nhiều và giá trị khấu hao tài sản cố định tại công ty rất lớn nên chi phí hao mòn tài sản cố định vô hình chưa được khấu hao, để giảm bớt chi phí xuống cho công ty. Công ty sẽ bắt đầu khấu hao khi cân đối được chi phí.

2.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định

Việc sửa chữa TSCĐ tại công ty phụ thuộc vào chi phí sửa chữa.

lớn.

-Nếu chi phí sửa chữa lớn hơn 10.000.000 đồng thì công ty tiến hành sửa chữa

-Nếu chi phí sửa chữa nhỏ hơn 10.000.000 đồng thì khi đó công ty cho vào chi

phí sửa chữa thường xuyên hoặc tùy thuộc vào quyết định của ban quản lý thì kế toán mới ghi nhận.

Mọi chi phí sửa chữa tài sản cố định kế toán tập hợp dựa vào phiếu xuất kho và hóa đơn (GTGT) và khi mua dịch vụ ngoài thì có phiếu chi .v.v.. để tiến hành ghi sổ.

2.2.4.1. Sửa chữa lớn tài sản cố định

Ở công ty tài sản chủ yếu là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị vừa mới đầu tư xây dựng trong những năm gần đây nên không có quá trình sửa chữa lớn tài sản cố định . Nếu quá trình sửa chữa lớn tiến hành thì căn cứ vào hình thức sửa chữa mà kế toán thực hiện:

-Trường hợp thuê ngoài: thì khi có hóa đơn (VAT), công ty mới kết thúc quá trình sửa chữa và tiến hành định khoản và đưa chi phí đó vào tài khoản 142 hoặc 242 để phân bổ chi phí đó vào chi phí hoạt động kinh doanh hoặc ghi tăng giá trị tài sản cố định.

-Trường hợp do bộ phận bảo trì của công ty tiến hành tổ chức sửa chữa

+Công ty sử dụng tài khoản 335 để trích trước chi phí cho quá trình sửa chữa ở công ty khi chi phí sửa chữa lớn cần trích trước để giảm chi phí khi tiến hành sửa chữa.

+ Trường hợp sửa chữa lớn không làm tăng giá trị tài sản thì chi phí sửa chữa lớn được tập hợp vào tài khoản 142 hoặc 242 để phân bổ chi phí của công ty.

+ Trường hợp mà sửa chữa lớn đó làm tăng giá trị tài sản đó thì kế toán tập hợp mọi chi phí vào tài khoản 2413(sửa chữa lớn TSCĐ) để tập hợp chi phí và tiến hành nâng giá trị tài sản đó khi hoàn thành quá trình sản xuất.

2.2.4.2. Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

Ở công ty và các đơn vị trực thuộc có bộ phận bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhà cửa và kiến trúc. Bộ phận này thường xuyên bảo dưỡng duy tu máy móc theo định kỳ nhằm cho máy móc hoạt động tốt, những chi phí bảo dưỡng thường được đưa và chi phí hoạt động tại đơn vị đó.

Công ty thường xuyên tiến hành sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị và nhà cửa vật kiến trúc tại công ty cũng như tại các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc hoạt động dưới sự chỉ đạo của công ty và hạch toán kế toán phụ thuộc vào công ty nên khi có sự sửa chữa tài sản cố định tại đơn vị phụ thuộc thì mọi chi phí sẽ được phân bổ vào chi phí tại đơn vị đó và được tập hợp vào tài khoản 642, tài khoản này được công ty phân thành nhiều tài khoản cấp 2 cho từng đơn vị.

Tại công ty chủ yếu là nhà cửa vật kiến trúc nên việc bảo dưỡng nhà cửa vật kiến trúc thường được công ty tiến hành thường xuyên hàng quý. Công việc này thường do bộ phận bảo dưỡng của công ty tiến hành như là lau chùi tường nhà, quét sơn lại tường nhà và cửa. Mọi chi phí đó đều tập hợp vào chi phí tại đơn vị phụ thuộc của công ty.

Đối với máy móc thiết bị thì công việc sửa chữa chỉ tiến hành khi có sự cố hỏng hóc không thể sử dụng được. Công việc này cũng do bộ phận bảo trì tại đơn vị sử dụng tiến hành bảo trì, hoặc đưa ra bên ngoài sửa chữa.

-Do bộ phận bảo trì sửa chữa thì chi phí mua thiết bị thay thế sửa chữa thì tập hợp để đưa vào chi phí quản lý tại đơn vị phụ thuộc (vào TK 642)

-Do đơn vị ngoài sửa chữa thì chi phí đó được đưa vào chi phí của đơn vị khi có hóa đơn do đơn vị sửa chữa hoàn thành công việc sửa chữa và tiến hành xuất hóa đơn cho công ty. (Chi phí này cũng được tập hợp vào TK642 của đơn vị phụ thuộc)

Quá trình sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc cũng như máy móc thiết bị tại công ty đều được tập hợp vào tài khoản 642.

2.2.5 Kế toán hao mòn tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định tại đơn vị thường được tiến hành vào cuối mỗi quý hoặc cuối niên độ kế toán. Kế toán tài sản dựa vào sổ chi tiết tài sản cố định để tiến hành tính khấu hao cho toàn bộ công ty. Bảng khấu hao:

Bảng 10: Khấu hao tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TÂN							
BẢNG KHẤU HAO TÀI SẢN							
STT	Nội dung	TSCĐ Tăng năm 2010	TSCĐ giảm năm 2010	Giá trị còn lại 31.12.2009	Số khấu hao năm 2010	Giá trị còn lại 31.12.2010	Ghi chú
1	XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT	3701311533	0	4901115777	891525000	7710902310	
2	KHÁCH SẠN HUẾ QUEEN 2	50200000	0	13466210100	695862000	13167831100	
3	VĂN PHÒNG CÔNG TY	41977273	0	804893195	130905000	715965468	
4	THANH TÂN SPA	13192894396	142828556	17652761826	1487763000	29249080791	
5	KHÁCH SẠN HUẾ QUEEN 1	170849636	11200000	17482777874	1372294000	16629029844	
	TỔNG CỘNG	17157232838	154028556	54307758772	4578349000	67472809513	

TỔNG GIÁM ĐỐC

(nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

ghi sổ.

Dựa vào bảng khấu hao kế toán tiến hành

định khoản nghiệp vụ và ghi chứng từ Nợ

TK 642.2spa

1.487.763.000

Ở đây công ty phân bổ chi phí khấu hao cho từng đơn vị phụ thuộc của mình, công ty sử dụng tài khoản 642 để hạch toán.

Bảng 11: Chứng từ ghi sổ

Công ty cổ phần Thanh Tân			
Địa chỉ: 149 Phan Đình Phùng, TP Huế			
CHỨNG TỪ GHI SỔ - SỐ			
138			
Ngày 06 tháng 01 năm 2011			
Trích Yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Khấu hao TSCĐ tại TTSPa	642.2spa	214	1.487.763.000
Khấu hao TSCĐ tại KSQ	642.2ksq	214	2.068.156.000
Khấu hao TSCĐ tại công ty	642.2cn	214	130.905.000
Khấu hao TSCĐ tại CN Alba	642.2alba	214	891.525.000
Cộng			4.578.349.000
kèm theo: 2 chứng từ gốc			
Kế toán trưởng		Huế, ngày 06 tháng 01 năm 2011	

Kế toán trưởng

(Nguồn công ty cổ phần Thanh Tân)

Người lập

Chương 3:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TÂN

3.1 Nhận xét

Mọi doanh nghiệp tồn tại trong nền kinh tế thị trường đều có những ưu và nhược điểm do yếu tố chủ quan và khách quan gây ra. Không ngoài tình hình chung đó, công ty cổ phần Thanh Tân đã và đang gặt hái những thành công cũng như đứng trước những khó khăn cần khắc phục do chính bản thân doanh nghiệp và môi trường kinh doanh tạo nên. Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Thanh Tân, tôi có một số nhận xét về tình hình quản lý và hạch toán tài sản cố định tại công ty như sau:

3.1.1 Ưu điểm.

- Bộ máy quản lý tại công ty là những người có trình độ chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm, nhiệt tình với công việc nên đã điều hành công ty hoạt động một cách có hiệu quả.
- Bộ máy kế toán tại công ty trống đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ và có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng đã làm tăng hiệu quả công tác tổ chức quản lý kinh tế, quản lý tài chính của công ty. Những người làm công tác kế toán tại công ty là những người có trình độ cao, có kinh nghiệm và tinh thần làm việc hăng hái.
- Về tài sản cố định tại công ty: Nhìn chung tài sản cố định tại công ty gồm nhiều loại khác nhau phục vụ cho quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ tại công ty. Và tài sản tại công ty đã được quản lý một cách hiệu quả.
- Công tác hạch toán tài sản cố định được tổ chức hợp lý, đảm bảo phản ánh đúng số lượng và đầy đủ thông tin về tài sản cố định và đúng với tiêu chuẩn quy định của Bộ Tài Chính đưa ra. Các sổ sách chứng từ kế toán phù hợp với điều kiện của công ty và đúng theo quy định hiện hành.
- Công ty sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng là phù hợp với công ty và bảo đảm cho việc thu hồi vốn nhanh kịp thời với chu kỳ kinh doanh và phù hợp với điều kiện của công ty.

3.1.2 Nhược điểm.

Những ưu điểm và các thế mạnh về kế toán tại công ty tạo điều kiện cho quá trình hạch toán và đáp ứng các nhu cầu về thông tin cũng như đưa ra các định hướng về tài chính giúp cho công tác quản lý và tạo điều kiện cho việc phát triển ngày càng mạnh tại công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được như trên, công tác quản lý và hạch toán ở công ty còn có một số vấn đề tồn tại cần khắc phục.

-Tại công ty có nhiều đơn vị trực thuộc nên quá trình quản lý của công ty đối với cơ sở phụ thuộc còn phức tạp và tốn nhiều chi phí cho công tác quá trình quản lý.

-Trong năm 2010 các đơn vị trực thuộc còn hạch toán phụ thuộc vào công ty mẹ nên quá trình quản lý tài sản cũng như nhu cầu mua sắm tài sản để phục vụ cho quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ còn phụ thuộc vào nguồn vốn của công ty mẹ cũng như kết quả kinh doanh của các đơn vị trực thuộc. Nên còn nhiều khó khăn cho quá trình hoàn thiện cơ sở vật chất tại công ty cũng như tại các đơn vị trực thuộc của công ty.

-Việc hạch toán và phân bổ khấu hao thì diễn ra tại công ty mẹ còn tài sản được sử dụng tại đơn vị trực thuộc nên quá trình sử dụng và hạch toán còn tách rời nhau.

-Ở công ty sử dụng phần mềm EXCEL để hỗ trợ cho công việc hạch toán và ghi sổ nên rủi ro lớn khi máy tính có vấn đề và khó để đối chiếu và có nguy cơ sai số do lỗi cố ý hoặc vô ý gây ra.

-Công ty sử dụng hình thức kế toán là hình thức chứng từ ghi sổ mà công ty không sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để đăng ký các chứng từ ghi sổ. Điều này có thể làm xáo trộn thứ tự của các chứng từ hoặc không quản lý được các chứng từ ghi sổ ở công ty.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

Qua tìm hiểu tại công ty cho thấy công tác hạch toán tài sản cố định tại công ty đã hoàn chỉnh theo quy định của Bộ Tài Chính cũng như của các cơ quan quản lý. Theo những gì được học qua lý thuyết và tìm hiểu kế toán tài sản cố định tại công ty tôi đưa xin đưa ra một số kiến nghị đề xuất sau:

-Công ty nên thực hiện hạch toán độc lập tại các đơn vị trực thuộc và tự quản lý tốt công việc sử dụng tài sản của đơn vị mình. Công ty chỉ nhận nhiệm vụ làm báo cáo cho toàn bộ công ty và đảm nhận vai trò hướng dẫn chủ trương chính sách và cách thức hạch toán tại đơn vị theo đúng chế độ và quy định của công ty.

-Việc mua sắm tài sản và hoàn thiện cơ sở vật chất tại mỗi đơn vị phải tự các đơn vị làm dựa trên lợi nhuận của đơn vị đó và sự trợ giúp của công ty mẹ.

-Công ty nên tiến hành khấu hao tài sản cố định vô hình theo đúng quy định và cần đưa quyền sử dụng đất và các loại tài sản vô hình vào hạch toán đúng vào tài sản vô hình.

-Khấu hao ở công ty đưa tất cả vào tài khoản 642 nên không hợp lý so với quy định của Bộ Tài Chính, công ty nên chia rõ từng bộ phận sử dụng để khấu hao cho bộ phận đó và tính chi phí cho đối tượng sử dụng.

-Công ty nên sử dụng các tài khoản 621, 627, 641 để tập hợp chi phí nguyên vật liệu chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng tại công ty cũng như tại các đơn vị trực thuộc của mình để dễ cho việc quản lý và đúng với quy định chung.

-Công ty nên sử dụng biên bản kết thúc hợp đồng thay cho phiếu nhập kho khi kết thúc quá trình mua sắm tài sản cố định

-Công ty nên thiết kế lại mẫu sổ cái cho phù hợp và thống nhất các sổ sách thay cho việc sử dụng các mẫu sổ tự do của công ty. Tôi xin đưa ra mẫu sổ Cái sau:

Nợ TK 642.2ksq 2.068.156.000
 Nợ TK 642.2cn 130.905.000
 Nợ TK 642.2alba 891.525.000
 Có TK 214 4.578.349.000

Đơn
vi:.....
Địa
chỉ:.....

Mẫu số: S02c1 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số:
 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

SỔ CÁI
 Năm:

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Tên tài khoản: Số hiệu: Diễn giải	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	G
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng				
			- Cộng số phát sinh tháng	x			x
			- Số dư cuối tháng	x			x
			- Cộng lũy kế từ đầu quý	x			x

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

 - Ngày tháng năm
 Người ghi
 (ký, họ
 tên)

**Kế toán
 trưởng**
 (ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
 (ký, họ tên, đóng
 dấu)

Hiện tại trong năm 2011 tại công ty đã bắt đầu sử dụng phần mềm kế toán
 BRAVO nên còn nhiều khó khăn khi mới sử dụng phần mềm, và hạch toán trên phần
 mềm nên cần tổ chức và tập huấn thường xuyên cho bộ phận kế toán để sử dụng có
 hiệu quả nhất phần mềm.

Phần 3: KẾT LUẬN

1. Kết luận

Trong việc quản lý doanh nghiệp và việc quản lý tài sản cố định là những mục tiêu kinh tế quan trọng đối với mọi công ty, nó luôn được các doanh nghiệp ở bất kỳ lĩnh vực sản xuất nào đều quan tâm vì nó gắn liền với kết quả hoạt động sản xuất và kinh doanh, là cơ sở để sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ cũng như các mục tiêu khác của doanh nghiệp. Để doanh nghiệp hoạt động tốt thì doanh nghiệp cần có bộ máy quản lý tốt và có cơ sở vật chất hoàn thiện để tạo điều kiện cho công ty hoạt động một cách hiệu quả, và việc hạch toán tài sản cố định là công việc rất quan trọng nhằm đưa ra những thông tin kịp thời và đầy đủ về cơ sở vật chất cũng như tình hình cơ sở vật chất tại đơn vị để có thể đưa ra những quyết định phù hợp nhằm phát triển doanh nghiệp ngày càng vững mạnh cạnh tranh tốt trong nền kinh tế thị trường.

Qua tìm hiểu về quá trình hạch toán tài sản cố định ở công ty cổ phần Thanh Tân giúp tôi tiếp cận được với quá trình sử dụng tài sản cố định cũng như quá trình hạch toán thực tế tại đơn vị. Và càng thấy rõ thêm tầm quan trọng của công tác quản lý tài sản cố định tại đơn vị.

Tóm lại quá trình thực tập và làm chuyên đề tốt nghiệp giúp em nắm vững thêm về cơ sở lý luận. Và tìm hiểu thêm được thực tiễn tại đơn vị so với lý thuyết có nhiều điều khác nhau. Do thực tế đòi hỏi phải phù hợp với đơn vị nên không thể làm theo đúng trình tự như trên lý thuyết mà đòi hỏi phải có sự điều chỉnh và vận dụng lý thuyết một cách hiệu quả.

2. Kiến nghị

Qua thời gian thực tập tại và tìm hiểu công tác kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân, cùng với những kiến thức lý thuyết đã học tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

Kế toán tài sản cố định là một nhân tố tích cực, là một vấn đề quan trọng góp phần giúp công ty hoạt động có hiệu quả, vì vậy ngoài việc nâng cao quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ... Thì công ty nên chú trọng tới việc thực hiện các chủ trương chính sách, các quy định, chế độ kế toán cũng như ngày càng hoàn thiện công tác tổ

chức kế toán tại công ty ngày càng phù hợp với nền kinh tế thị trường cũng như phù hợp với sự phát triển ngày càng mạnh tại công ty,

Công ty cần chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật thường xuyên cho cán bộ công nhân viên trong công ty cho phù hợp với nền kinh tế thị trường và công nghệ kỹ thuật ngày càng phát triển như ngày nay.

Ngoài ra công ty cần phải đầu tư thêm nhiều tài sản, máy móc thiết bị hiện đại phù hợp trong quá trình sản xuất để ngày càng phát triển và tạo ra lợi nhuận cao cho công ty, tăng sức cạnh tranh cho công ty trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà hòa nhập với kinh tế thế giới và phù hợp với nền kinh tế thị trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình nguyên lý kế toán. Phan Minh Lý – Hà Diệu Thương – Nguyễn Thị Thanh Huyền – Hoàng Giang – Nguyễn Ngọc Thủy – Lê Ngọc Mỹ Hằng – Hồ Thúy Nga. Nhà Xuất Bản Đại Học Huế. Năm 2008
- Kế toán tài chính 1. Phan Đình Ngân – Hồ Phan Minh Đức. Nhà Xuất Bản Đại Học Huế. Năm 2007
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. Quốc Cường – Hoàng Anh. Nhà Xuất Bản Thống Kê. Năm 2008
- Một số luận văn và chuyên đề của các anh chị năm trước đã làm có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: HỢP ĐỒNG KINH TẾ CONTRACT

No:11/11/TT-TFTC/2009

Date:01/12/2009

Buyer: THANH TAN CORPORATION COMPANY – THUA THIEN HUE

Add: 149 Phan Dinh Phung street, Hue city, Thua Thien Hue province.

Tel: 84-054.3822479 fax:84-054.383505

Tax code:3300100843

Account no: 0161000000965

Nam of bank: vietnam foreign trade bank, hue branch

Address: no 6, Hoang Hoa Tham street, hue city

Represented by: Le Van Hoa – vice director

Hereinafter is caller the buyer

Seller: TAIWAN FILLER TECH. CO., LTD

Office: No. 19, Lane 148, Ye Lin Rd, Jen Te Shiang, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C

Tel: 886-6-2795522 Fax: 886-6-2498868

Account no: 6402-22-0435850

Name of bank: chang Hwa Commercial Bank, ltd. Tainan branch

Address: 88, Chung Cheng Road, Tainan Taiwan, Republic of China

Swift code: CCBCTWTP640

Represented by: Mr. Chang Shui – Yu- Chairman

Hereinafter is called the seller

It has been mutually agreed to sign the terms and condition of the contract as follows:

COMMODITY- SPECIFICATION – PRICE.

Model	Descriptionof goods	q/t	Unit price(usd/unit)
TF-EPB-VKCA-120404	Filler/crown Capper/ ROPP Capper	01	161,000.00
Container Stuffing, Land Transport, Port Handling, Insurance & ocean freight			
Total price(CIF/ Danang sea port)			161,000.00

Total amount: USD dollars One Hundred sixty one thousand only

BRAND NEW, 100% MADE IN TAIWAN

MANUFACTURER: Taiwan Filler Tech Co., Ltd

Machine layout

Bottle inlet direction: Left side, bottle Outlet direction: right side

MACHINE SPECIFICATION

MODEL: tf-epb-vkca-120404

Type: rotary/monoblock.

Filling type: equal pressure type.

Product: carbonated Mineral Water.

Capacity: 50 BPm(based on 300ml glass bottle).

Type of bottle: 300ml glass bottle.

Type of cap: crown cap(size: 25mm) and Long type ROPP.

Bottle information:

Dia-61mm

Internal caliber of bottle mouth: above 16.5mm ϕ

Bottle Height: 230mm.

Filling temperature: 2~4°C.

Power: 380V-50Hz, 3 phases.

Horsepower

Main drive: 3HP moto-reducer and inverter.

Cap sorter: ¼ HP motor

Filler electrical Height adjustment: 1 HP motor.

Capper electrical Height adjustment: ½ HP motor.

Capper electrical Height adjustment: ½ HP motor.

Include

One complete set of change parts for 300ml glass bottle.

One infeed screw for 300ml glass bottle

Consist of

No. Of Filling nozzles: 12 sets (material: stainless steel SUS 316)

No. Of capping heads for crown cap: 4sets (material: stainless steel SUS 304)

No. Of capping heads for ROPP cap: 4sets (material: stainless steel SUS 304)

Features

Infeedscrew, starwheels and guies are easily exchangeable for handing different sizes bottle.

They are made out of macro-molecular polyethylene.

Starwheel is fitted with a safety device which stops filler in case of jamming.

Filling bowl is made of stainless steel SUS316 and polished treatment to meet the sanitary requirement and easy to clean.

Stainless steel SUS316 is the only material in contract with product directly.

Highly polished stainless steel construction.

Waterproof control panel.

Electrical appliance

PLC adopts mitsubishi or the same level of product.

Photo senor adopts SICH or KEYENCE or the same level of product.

Solenoid valuve of air pressure adopts FESTO and SMC or the dame level os product.

Pressure switch of air pressure adopts KeyENCE or the same level of product.

Color touchable screen adopts hitech or pro-face

Motor adopts TECO and Tatung or the same level of product.

Electromagnetic switch adopts TOGAMI or the same of product.

Inverter adopts FUJI or the same of product.

Switch adopts NAIS or the same of product.

Proximity switch adopts SICK or the same of product.

Cotrol box adopts stainless steel with thermolysis fan.

(Above all components or brands, our company depends on actuality to do suitable adjustment).

Documentation

Toolbox: 01 set.

Instruction book: 02 books: 01 vietnamese, 01 English.

Certificate of origin: 01 set.

II DELIVER

120 working days from contract signed by both parties, the receipt of down payment, bottles & cap samples. Port of loading: KAOHSIUNG posrt – Taiwan.

Transshipment: once.

Port of destination: Da Nang port, VietNam.

Delivery shall be performed under the terms of CIF/Da Nang port as per incoterms 2000.

Buyer will provide seller below samples within 7 days after contract signed by both parties. If late provide, the shipment will delay accordingly.

1. Glass bottle:300PCS.

2. crown capper: 1000 PCS.

3, ROPP capper: 1000 PCS.

PAYMENT

3.1. buyer will pay 100% of the contract value as follows:

A. down payment:

30% of the contract value (USD: 48,300.00) by T/TR in favor of TAIWAN FILLER TECH.CO., LTD after signing the contract.

B. Balance payment:

70% of the contract value (USD: 112,700.00) by irrevocable L/C at sight in favor of TAIWAN FILLER TECH.CO., LTD:

50% of contract value (USD:80,500.00) by irrevocable L/C at sight after date of B/L.

20% of the total amount (USD: 32,200.00) by irrevocable L/C at sight due on 60 days at data of B/L.

3.2 shipping documents:

- 2/3 sets of clean on board ocean Bill of Lading marked Freight Prepaid.
- 3/3 sets of Original commercial invoice.
- 3/3 sets of original packing list.
- 2/2 sets of Certificate of quality issued by Manufacturer.
- 2/2 sets of Original Certificate of origin issued by Chamber of commerce in Taiwan.
- 2/2 sets of Original insurance Certificate.

3.3.1 set of non – negotiable documents and 1 set of copy clean on broad ocean bill of lading to be sent air courier directly to the party B within 03 working days from the date of B/L.

4.4 All bank charges inside party B' country shall be born by party B and all bank charges outside party B's country shall be borne by party A.

IV INSTALLATION TERM

The standard installation is 7 days. If any request from buyer for additional service of 2nd time technician

supervision, round-way airfare, daily meals, accommodation and transportation at local construction shall be borne by buyer.

The followings aren't included in the price:

Business tax. Steam soft water air cold water the engineering of connecting raw material tube connecting electric power civil engineering.

The buyer should be responsible for the followings.

The gas CO₂ system.

Carbonator Mixer

Conveyor system.

Auto cap elevator.

CIP system

Connecting the power supply wire with the inlet of the control panel.

Connecting the feeding raw material tube with the filling bowl of the filler.

Setting up the drainage tube of machine to the designated place.

Buyer should be responsible for the moving of the machine to the designated area, till the machine is completed the testing and installation.

Seller sends technicians to the local factory to offer instruction, position of the machine and installation.

Connecting the air pressure tube with the of air compressor

V. WARRANTY: 14 MONTHS FROM AFTER THE b/l DATE.

VI. PACKING:

Ex port standard packing, suitable for transport of goods by sea.

The good is the container marked as below:

Name of company: Thanh Tan corporation company – Thua Then Hue.

VII. FORCE MAJEURE:

All obstacles which can't be passed over, bearing force majeure are understood as common international commerce terms.

VIII. GENERAL TERMS

During the course of Business, any arisen problems Will be discussed by both parties and confirmed by annex.

The party A has to deliver on time, if late deliver will be penalize 0,1%/day/value contract, maximum 5% of contract value. The party B has to payment on time, if late payment will be penalize 0,1%/ remaining amount.

All disputes or different which can not be settled amicably will be arbitrated by international arbitration center in Hanoi City for final settlement. The arbitrantion will be final and binding upon both parties, all charges will be bond by the losing party.

This contract becomed effective since the date of signing to the expiry day of warranty. Over this date, it's deemed as automatically expired.

This contract is made out in Four Originals in English and both parties would hold two Originals contracts respectively.

**The
seller**

**The
buyer**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

PHỤ LỤC 2: HÓA ĐƠN

AN FILLER TECH. CO., LTD.
10 LANE 148, YE LIN RD., TEN TF SUITANG
TAIPEI DISTRICT, TAIWAN, R.O.C. TEL: 886 62795502
FAX: 886-02498868

ORIGINALS

COMMERCIAL INVOICE

No. M981259 Date: JUN. 18, 2010

INVOICE of:

THANH TAN CORPORATION COMPANY THUA THIEN HUE
For account and risk of Messrs.
149 PHAN DINH PHUNG STR., HUE CITY THUA THIEN HUE PROV., VIETNAM
CAPE FULMAR V 5006 JUN 20, 2010

Shipped Per S.S./M.V. KAOHSIUNG PORT. To DANANG PORT VIETNAM Sailing on or about

From TAIWAN To DANANG PORT VIETNAM Contract No. 100602

Letter of Credit No. BFTVNVX016 Dated

Drawn under CITY 78 HUNG VUONG HUE CITY THUA THIEN HUE CITY

Marks. & Nos.	Description of Goods	Quantity	Unit Price	Amount
THANH TAN CORPORATION CO. THREE CHINA A/C NO. 11/11/TT 11/11/09 MADE IN TAIWAN	FILLER/CROWN CAPPER/POPE CAPPER. MODEL: TF EPE VKCA-120404 MACHINE SPECIFICATIONS IN DETAILS ARE AS PER SALE CONTRACT NO. 11/11/TT-ITC/09 DATED 01/02/2009 COUNTRY OF ORIGIN: TAIWAN QUALITY: LOOPCT BRAND NEW MANUFACTURER: TAIWAN FILLER TECH. CO., LTD. POWER: 300W-500W 1 PHASE	1.00 UNIT	USD 161,000.00	USD 161,000.00
		1.00 UNIT VVVVVVVV		USD 161,000.00 VVV VVVVVVV
SAT TOTAL U.S. DOLLARS (ONE HUNDRED SIXTY ONE THOUSAND ONLY)				
TOTAL AMOUNT (CIF DANANG PORT, VIETNAM): USD 161,000.00				
CONTRACT VALUE PAID IN ADVANCE: USD 48,300.00				
TOTAL AMOUNT OF L/C (CIF DANANG PORT, VIETNAM, INCOTERMS 2000): USD 112,700.00				
MIXED PAYMENT DETAILS				
+USD 55,000.00 WILL BE PAYABLE AT SIGHT AGAINST PRESENTATION OF THE CONFORM DCS REQUIRED UNDER THIS L/C.				
+USD 22,700.00 WILL BE PAYABLE AT 60 DAYS FROM B/L DATE				
+USD 35,000.00 WILL BE PAYABLE AT MARCH 28TH 2011				
AN FILLER TECH. CO., LTD.				
Chang shui ju				

PHỤ LỤC 3: SỔ CHI TIẾT TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI XÍ NGHIỆP 2010												
STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Khối lượng	Nguyên giá 31.12.2009	Tăng 2010	Giảm TSC Đ 2010	Nguyên giá 31.12.2010	Giá trị còn lại 31.12.2009	Tỷ lệ %	Khấu hao 2010	Giá trị còn lại 31.12.2010	Ghi chú
B	Máy móc thiết bị			3.123.494.647	3.628.275.442	-	6.751.770.089	1.030.499.572	477,0%	818.578.000	4.086.489.014	1
		...	...	...	...	...	-	-		-	-	
		...		...	...	...	-	-		-	-	
3	Máy chiết đóng nắp dập và xiết nắp,TF-EPB-VKCA-120404 mới 100% của Đài Loan		1		2.789.251.818		2.789.251.818		12,5%	92.656.653	2.696.595.165	KH 2 QUY
	Năng suất 50 chai/phút dung tích 300ml vai 460 ml						-				-	1
	Hệ thống lọc NK-Philoc inox lõi SUS 304-china	Bộ	1		32.080.000		32.080.000				32.080.000	
..		..	...	...		...		...		...	...	...
	Tổng công TSCĐ đang luân chuyển hoạt động			8.653.256.936	3.701.311.533	-	17.219.585.969	4.901.115.777	618,0%	1.137.963.000	7.710.902.310	

TỔNG GIÁM ĐỐC

Huế Ngày 31 tháng 12 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHỤ LỤC 4: SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Công ty CP Thanh Tân
149 Phan Đình Phùng, TP.Huế

Mẫu số S10- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm .2010

Loại tài sản : máy móc thiết bị

STT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên đặc điểm ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Thán g năm đưa vào sử dụng	Số hiệu	Nguyên giá	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày tháng						Tỷ lệ (%) khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	E	G	H	I	200,0%	3	4	I	K	L
11								12,5%	-	3.186.000	q1	14.01	hỏng
9	q1	12.2	tủ đông 2 cánh		12.2	q1	12.920.000	12,5%	1.615.000				
12								12,5%	-	3.557.000	sp	30.03	hỏng
13								12,5%	-	1.442.000	sp	30.03	hỏng
14								12,5%	-	1.973.170	sp	30.03	hỏng
15								12,5%	-	1.295.364	sp	30.03	hỏng
10								12,5%	-	4.002.666	q1	25.4	hỏng

8	q1	15.3	hệ thống xông hơi		25.3	q1	30.940.000	12,5%	3.867.500				
7	q1	29.3	máy tính xách tay		29.3	q1	11.263.636	12,5%	1.407.955				
6	q2	28.6	máy lạnh Daikin		26.6	q2	40.200.000	12,5%	5.025.000				
5	xn	23.8	máy in domino		23.8	xn	50.000.000	12,5%	6.250.000				
4	xn	25.9	máy chiết đóng nắp dập và xiết nắp		25.9	xn	2.789.251.818	12,5%	348.656.477				
2	vp	25.12	máy chủ server		25.12	vp	18.340.909	12,5%	2.292.614				
1	vp	25.12	máy tính xách tay lenovo		25.12	vp	11.000.000	12,5%	1.375.000				
3	vp	25.12	máy tính xách tay dell		25.12	vp	12.636.364	12,5%	1.579.546				

Ngày mở sổ: 01.01.2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 5: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THANH LÝ

C.TY CP THANH TÂN TT HUẾ
KHU DU LỊCH THANH TÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * * * *

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THANH LÝ TÀI SẢN

Căn cứ quyết định số: 64/QĐ-ctt, ngày 20 tháng 03 năm 2010 của chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Thanh Tân Thừa Thiên Huế về việc thanh lý tài sản và xử lý công nợ khó đòi năm 2009.

Hôm nay, vào lúc 15h, ngày 30 tháng 03 năm 2010. Tại khu du lịch phục hồi sức khỏe nước khoáng Thanh Tân.

Hội đồng thanh lý tài sản gồm:

- | | |
|---|-----------------------------|
| 1/ Bà Lê Thị Châu – Tổng giám đốc | chủ tịch hội đồng thanh lý. |
| 2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thái – phó tổng giám đốc | phó chủ tịch hội đồng |
| 3/ Ông Lê Văn Hòa – phó tổng giám đốc kinh doanh | Ủy viên |
| 4/ Ông Trần Phúc Nguyên – phó tổng giám đốc KT | Ủy viên |
| 5/ Bà Thái Lê Phương – phó tổng giám đốc chất lượng | Ủy viên |
| 6/ Ông Hoàng Ngọc Mai – Kế toán Trưởng | Ủy viên |
| 7/ Bà Trần Anh Đào – phó phòng kế toán | Ủy viên |
| 8/ Bà Đặng Thị Dung – kế toán tài sản | Ủy viên |
| 9/ Ông Vũ Xuân Trúc – Giám đốc TTSPA | Ủy viên |
| 10/ Ông Trương Như Thắng – Phó giám đốc TTSPA | Ủy viên |
| 11/ Bà Hoàng Thị Hồng – PT kế toán TTSPA | Ủy viên |

Đã tiến hành họp và xem xét thanh lý tài sản tại khu du lịch phục hồi sức khỏe nước khoáng Thanh Tân.

A, Bà Lê Thị Châu xác định mục đích và yêu cầu của việc quản lý và xử lý tài sản:

Các đơn vị phải thực hiện đúng các nguyên tắc quản lý tài sản.

Nâng cao trách nhiệm của bộ phận quản lý trực tiếp tại cơ sở. vai trò của các phòng ban công ty mẹ, chỉ đạo các đơn vị bằng các quy định, hướng dẫn. Quản lý sử dụng, bảo quản tài sản do công ty con chịu trách nhiệm.

Xử lý tài sản phải xem xét quá trình sử dụng tài sản, thời hạn sử dụng, lý do hư hỏng, trách nhiệm của người quản lý.

Sau khi xử lý phải tiến hành đền bù và khắc phục hậu quả; xử lý hạch toán đúng quy định của bộ tài chính.

B, nội dung xử lý:

Sau khi xem xét các biên bản kiểm kê, đề nghị thanh lý tài sản của đơn vị. Hội đồng đã xem xét thực trạng của các tài sản đề nghị xử lý và thống nhất cho phép: đơn vị khu du lịch phục hồi sức khỏe nước khoáng Thanh Tân được thanh lý giảm tài sản với tổng giá trị như sau:

Nguyên giá TSCĐ thanh lý : 33 547 623đ

Giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2009 : 22 112 725đ

Giá trị còn lại đề nghị thanh lý : 11 435 898đ

(cụ thể các tài sản có biên bản chi tiết kèm theo)

C, Hội đồng kết luận:

Cho xử hủy các tài sản trên, giao cho bộ phận cơ điện để tận dụng phụ tùng cho sửa chữa bảo dưỡng.

Bộ phận kế toán công ty, lập biên bản thanh lý chi tiết cho từng tài sản và tiến hành thanh lý theo đúng trình tự quy định của bộ tài chính.

biên bản đã thông qua và được mọi người trong hội đồng cùng nhất trí ký tên.

Thanh Tân- Huế ngày 30 tháng 03 năm 2010

Chủ tịch hội đồng thanh lý

Các thành viên tham gia cùng ký tên:

MỤC LỤC

trang

Phần 1: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
Phần 2: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	3
Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tài sản cố định	3
1.1 Những vấn đề chung về tài sản cố định	3
1.1.1 Tài sản cố định và các yêu cầu về quản lý	3
1.1.2 Phân loại và đánh giá tài sản cố định	4
1.1.2.1 Phân loại tài sản cố định	4
1.1.2.2 Đánh giá tài sản cố định	5
1.2. Phương pháp hạch toán tài sản cố định	7
1.2.1 , Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định	7
1.2.2. Tài khoản sử dụng	7
1.2.2.1. Tài khoản 2111	7
1.2.2.2. Tài khoản 2113	8
1.2.3 , Hạch toán chi tiết tài sản cố định	8
1.2.4 Hạch toán tình hình biến động tài sản cố định	8
1.2.4.1 Tài sản cố định hữu hình	Error! Bookmark not defined.
1.2.4.2 Tài sản cố định vô hình	Error! Bookmark not defined.
1.2.5 , Phương pháp hạch toán hao mòn tài sản cố định	10
1.2.5.1. Khái niệm về hao mòn tài sản cố định	10
1.2.5.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định	11
1.2.5.3. Tài khoản sử dụng 214	12
1.2.5.4. Hạch toán hao mòn tài sản cố định	12
1.2.6 Hạch toán sửa chữa tài sản cố định	13
1.2.6.1 Hạch toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	13
1.2.6.2. Hạch toán sửa chữa lớn tài sản cố định	14
Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TÂN	16
2.1 Tổng quan về công ty	16

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	16
2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ	17
2.1.2.1 Chức năng công ty	17
2.1.2.2 Nhiệm vụ của công ty	17
2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty	17
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần Thanh Tân – Thừa Thiên Huế	17
2.1.4.1 Tình hình lao động	20
2.1.4.2 Tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty	22
2.1.5 Đặc điểm tài sản tại công ty	24
2.1.5.1 Phân loại tài sản cố định	25
2.1.5.2 Đánh giá tài sản cố định.	25
2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.	26
2.1.6.1 Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân	26
2.1.6.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.	27
2.1.6.3. Chính sách kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân	29
2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty cổ phần Thanh Tân.	29
2.2.1 Kế toán tăng tài sản cố định	29
2.2.2 Kế toán giảm tài sản cố định	38
2.2.3 Đối với tài sản cố định vô hình:	42
2.2.4 Kế toán sửa chữa tài sản cố định	43
2.2.4.1. Sửa chữa lớn tài sản cố định	43
2.2.4.2. Sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	44
2.2.5 Kế toán hao mòn tài sản cố định	45
Chương 3:MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THANH TÂN	47
3.1 Nhận xét	47
3.1.1 Ưu điểm	47
3.1.2 Nhược điểm	48
3.2.Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty	48
Phần 3: KẾT LUẬN	51
1.Kết luận	51
2.Kiến nghị	51

VIẾT TẮT

TSCĐ	Tài sản cố định
XDCB	Xây dựng cơ bản
CV	Chuyên viên
PTGD	Phó tổng giám đốc
UBND	Ủy ban nhân dân
SCL	Sửa chữa lớn
GTGT	Giá trị gia tăng
SCTX	Sửa chữa thường xuyên
SXKD	Sản xuất kinh doanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Trang

Sơ đồ 1: Sơ đồ kế toán tài sản cố định hữu hình	9
Sơ đồ 2: Sơ đồ kế toán tài sản cố định vô hình	Error! Bookmark not defined.
Sơ đồ 3: Hạch toán kế toán hao mòn tài sản cố định	13
Sơ đồ 4: Hạch toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	14
Sơ đồ 5: Hạch toán sửa chữa lớn tài sản cố định	15
Sơ đồ 6: tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần Thanh Tân – Thừa Thiên Huế.	18
Sơ đồ 7: Bộ máy kế toán tại công ty cổ phần Thanh Tân	26
Sơ đồ 8: Hình thức chứng từ ghi sổ	27

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ

DANH MỤC BẢNG

trang

Bảng 1: Tình hình lao động của công ty cổ phần Thanh Tân qua 3 năm 2008 - 2010

.21 Bảng 2: Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty cổ phần Thanh Tân qua 3 năm 2008 - 2010 23

Bảng 3: Biên bản nghiệm thu 32

Bảng 4: Phiếu nhập kho 34

Bảng 5: Thẻ tài sản cố định 36

Bảng 6: Chứng từ ghi sổ 37

Bảng 11: Chứng từ ghi sổ 46

Bảng 10: Khấu hao tài sản cố định 45

Bảng 8: Biên bản thanh lý tài sản cố định 41

Bảng 7: Sổ cái 38

Bảng 9: Chứng từ ghi sổ 42

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - HUẾ